

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ: I - NĂM HỌC: 2025-2026
(CÁC LỚP HỌC PHẢN ĐỐI VỚI KHÓA 20, 21, 22)

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
1	SLT231	3	An toàn hóa chất và thiết bị phòng thí nghiệm_01 (HóaGV 21)	Nguyễn Thị Thu Thủy	25/08/2025-07/12/2025	15					7,8,9, 10,11	CP.5 (Hóa)							
2	MIS331	3	Bảo trì hệ thống thông tin_01 (TT 20)	Phạm Ngọc Phương	25/08/2025-19/10/2025	8			9,10,11	PM 3									
				Phạm Ngọc Phương		8	10,11	PM 3											
3	CTR231	3	Biên dịch tiếng Trung_01 (AT 20)	Mai Thị Ngọc Anh	25/08/2025-16/11/2025	12							3,4,5,6	3B. P202					
4	CHT241	4	Biên dịch tiếng Trung_02 (TQ1 21)	Mai Thị Ngọc Anh	25/08/2025-07/12/2025	15							1,2	3B. P101					
				Mai Thị Ngọc Anh		15									7,8	3B. P401			
5	CHT241	4	Biên dịch tiếng Trung_03 (TQ2 21)	Mai Thị Ngọc Anh	25/08/2025-07/12/2025	15									9,10, 11,12	3B. P102			
6	CHT241	4	Biên dịch tiếng Trung_04 (TQ3 21)	Nguyễn Thúy Quỳnh	25/08/2025-07/12/2025	15	9,10, 11,12	3B. P501											
7	CHT241	4	Biên dịch tiếng Trung_05 (TQ4 21)	MG: Chu Ngọc Anh	25/08/2025-07/12/2025	15											3,4,5,6	3B. P101	
8	CHT241	4	Biên dịch tiếng Trung_06 (TQ5 21)	Mai Thị Ngọc Anh	25/08/2025-07/12/2025	15			3,4,5,6	3B. P202									
9	CHT241	4	Biên dịch tiếng Trung_07 (TQ1 21, TQ2 21, TQ3 21, TQ4 21, TQ5 21)	MG: Chu Ngọc Anh	25/08/2025-07/12/2025	15					10,11	3A. P501							
				MG: Chu Ngọc Anh		15											1,2	3B. P101	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
10	BID341	4	Biên mục mô tả_01 (TV 22)	Trịnh Thị Hiền	25/08/2025-26/10/2025	9			9,10,11	3B. P201									
				Trịnh Thị Hiền	24/11/2025-04/01/2026	6			9,10,11	3B. P201									
11	GHD331	3	Biên tập tác phẩm báo chí_01 (BC 20)	Phạm Anh Nguyên	25/08/2025-16/11/2025	12	7,8	PNV BC-TT											
				Phạm Anh Nguyên		12						9,10,11	PNV BC-TT						
12	VOL231	3	Bóng chuyền_01 (TD 22)	Đỗ Thái Phong	25/08/2025-26/10/2025	9								8,9,10,11	Sân tập 4				
				Đỗ Thái Phong	24/11/2025-04/01/2026	6								8,9,10,11	Sân tập 4				
13	BAS231	3	Bóng rổ_01 (TD 21)	Đỗ Thái Phong	25/08/2025-07/12/2025	15							8,9,10,11	Sân bóng rổ					
14	BAD231	3	Cầu lông_01 (TD 22)	Lê Trung Kiên	25/08/2025-26/10/2025	9							8,9,10,11	Sân tập 4					
				Lê Trung Kiên	24/11/2025-04/01/2026	6							8,9,10,11	Sân tập 4					
15	DSA231	3	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật_01 (TT 22, TT 21)	Bùi Đức Việt	25/08/2025-26/10/2025	9					1,2,3	3B. P302							
				Bùi Đức Việt	24/11/2025-04/01/2026	6					1,2,3	3B. P302							
16	MOD341	4	Chẩn đoán phân tử_01 (CNSH 20)	Trưởng A Tài	25/08/2025-02/11/2025	10	9,10,11	3A. P504											
				Trưởng A Tài	06/10/2025-16/11/2025	6			1,2,3,4,5	PTN									
				Trưởng A Tài		6						1,2,3,4,5	PTN						
17	SIP331	3	Chiến lược biển đảo và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam hiện nay_01 (Sử 20)	Đoàn Thị Yến	25/08/2025-07/12/2025	15			9,10,11	3A. P504									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
18	WEP331	3	Chính sách phúc lợi_01 (KHQL 20)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-16/11/2025	12					4,5	3B. P202							
				Nguyễn Thị Linh		12									4,5	3B. P302			
19	KOP231	3	Chính trị Hàn Quốc_01 (HQ1 21)	Đặng Văn Duy	25/08/2025-23/11/2025	13					7,8	3B. P301							
				Đặng Văn Duy		13									7,8	3B. P301			
20	KOP231	3	Chính trị Hàn Quốc_02 (HQ2 21)	Đặng Văn Duy	25/08/2025-23/11/2025	13	7,8	3B. P302											
				Đặng Văn Duy		13					9,10	3B. P302							
21	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_01 (Luật 20)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3			9,10,11	3B. P204									
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-02/11/2025	7									1,2,3	Online			
22	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_02 (BC 21, DL 21 NĐ, DL 21 KS, QLTN 21, TV 21)	MG: Đinh Thị Tuyết	25/08/2025-14/09/2025	3	4,5	3B. P301											
				MG: Đinh Thị Tuyết	15/09/2025-07/12/2025	12	7,8	Online											
23	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_03 (Luật1 22)	Lê Thị Quỳnh Liu	25/08/2025-14/09/2025	3									7,8	3A. P401			
				Lê Thị Quỳnh Liu	15/09/2025-26/10/2025	6					1,2	Online							
				Lê Thị Quỳnh Liu	24/11/2025-04/01/2026	6					1,2	Online							
24	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_04 (Luật2 22)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3					9,10	3A. P404							
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-26/10/2025	6									4,5	Online			
				Lý Thị Thu Huyền	24/11/2025-04/01/2026	6									4,5	Online			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
25	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_05 (AT1 22)	MG: Đinh Thị Tuyết	25/08/2025-14/09/2025	3									10,11	3A. P302			
				MG: Đinh Thị Tuyết	15/09/2025-26/10/2025	6									2,3	Online			
				MG: Đinh Thị Tuyết	24/11/2025-04/01/2026	6									2,3	Online			
26	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_06 (AT2 22, AH 22)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3					7,8	3A. P304							
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-26/10/2025	6							4,5	Online					
				Lý Thị Thu Huyền	24/11/2025-04/01/2026	6							4,5	Online					
27	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_07 (AT3 22, LýBD 22)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3			7,8	3A. P202									
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-26/10/2025	6					3,4	Online							
				Lý Thị Thu Huyền	24/11/2025-04/01/2026	6					3,4	Online							
28	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_08 (Anh 22, DTTs 22)	MG: Đinh Thị Tuyết	25/08/2025-14/09/2025	3			10,11	3A. P301									
				MG: Đinh Thị Tuyết	15/09/2025-26/10/2025	6	1,2	Online											
				MG: Đinh Thị Tuyết	24/11/2025-04/01/2026	6	1,2	Online											
29	SUH231	3	Chuyên đề HSK_01 (TQ1 20)	Phan Thị Huế	25/08/2025-16/11/2025	12	9,10, 11,12	3B. P101											
30	SUH231	3	Chuyên đề HSK_02 (TQ2 20)	Phan Thị Huế	25/08/2025-16/11/2025	12	7,8	3B. P102											
				Phan Thị Huế		12											1,2	3B. P102	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
31	SUH231	3	Chuyên đề HSK_03 (TQ3 20)	Phan Thị Huế	25/08/2025-16/11/2025	12							7,8	3B. P102					
				Phan Thị Huế		12									7,8	3B. P103			
32	SUH231	3	Chuyên đề HSK_04 (TQ1 20, TQ2 20, TQ3 20)	Phan Thị Huế	25/08/2025-16/11/2025	12							9,10, 11,12	3B. P101					
33	HSK241	4	Chuyên đề HSK_05 (AT 20)	Hoàng Kiều Trinh	25/08/2025-23/11/2025	13									9,10, 11,12	3B. P503			
				Hoàng Kiều Trinh	27/10/2025-23/11/2025	4											7,8	3B. P503	
34	TOT231	3	Chuyên đề Topik_01 (AH 20)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-16/11/2025	12							10,11	3B. P503					
				Nguyễn Thị Linh		12									4,5	3B. P503			
35	QUM231	3	Cơ học lượng tử_01 (LýGV 22)	Nguyễn Xuân Ca	25/08/2025-26/10/2025	9											7,8,9	3A. P102	
				Nguyễn Xuân Ca	24/11/2025-04/01/2026	6											7,8,9	3A. P102	
36	TMC241	4	Cơ sở di truyền và sinh học phân tử_01 (CNSH 22)	Hoàng Thị Thu Yến	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8,9	3A. P303					
				Hoàng Thị Thu Yến	20/10/2025-26/10/2025	1											7,8,9	3B. P104	
				Hoàng Thị Thu Yến	24/11/2025-04/01/2026	6							1,2,3,4, 5	PTN					
				Hoàng Thị Thu Yến		6									1,2,3,4, 5	PTN			
37	BTM321	2	Công nghệ hoá sinh trong y học_01 (CNSH 20)	Nguyễn Thị Thu Huyền	25/08/2025-19/10/2025	8	7,8	3A. P504											
				Nguyễn Thị Thu Huyền	06/10/2025-16/11/2025	6									1,2,3,4, 5	PTN			
38	NTA231	3	Công nghệ nano và ứng dụng_01 (Lý 21)	Nguyễn Thị Luyến	25/08/2025-07/12/2025	15	1,2,3	CP.4 (Lý)											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
39	MTM331	3	Công nghệ vi sinh trong y học_01 (CNSH 20)	Trịnh Ngọc Hoàng	25/08/2025-02/11/2025	10											7,8,9	3A. P402	
				Trịnh Ngọc Hoàng	06/10/2025-16/11/2025	6					1,2,3,4,5	PTN							
40	HIW331	3	Công pháp quốc tế_01 (DVPL 22)	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	25/08/2025-26/10/2025	9	9,10,11	3A. P203											
				Nguyễn Thị Quỳnh Trang		9							7,8	3A. P203					
				Nguyễn Thị Quỳnh Trang	24/11/2025-07/12/2025	2	9,10,11	3A. P203											
				Nguyễn Thị Quỳnh Trang		2							7,8	3A. P203					
41	SWH331	3	CTXH trong y tế_01 (CTXH 20)	MG: Đào Duy Kiên	25/08/2025-02/11/2025	10									9,10,11	3B. P104			
42	SEM331	3	CTXH với dân tộc thiểu số_01 (CTXH 20)	Tạ Thị Thảo	25/08/2025-02/11/2025	10							7,8,9	3B. P104					
43	SWR331	3	CTXH với người khuyết tật_01 (CTXH 20)	Nguyễn Thị Ngọc Mai	25/08/2025-02/11/2025	10					7,8,9	3B. P104							
44	SWH431	3	CTXH với người nghèo_01 (CTXH 20)	Nguyễn Thị Hồng Trâm	25/08/2025-02/11/2025	10			7,8,9	3B. P104									
45	BIO331	3	Đa dạng sinh học_01 (CNH 22)	Lê Thị Thanh Hương	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8,9	3A. P403							
				Lê Thị Thanh Hương	24/11/2025-04/01/2026	6					7,8,9	3A. P403							
46	GEA231	3	Đại số đại cương_01 (Toán 21)	Nguyễn Thu Hằng	25/08/2025-07/12/2025	15	1,2,3	3B. P104											
47	EAL331	3	Đại số sơ cấp_01 (Toán 20)	Phạm Hồng Nam	25/08/2025-16/11/2025	12					7,8	3A. P505							
				Phạm Hồng Nam		12	7,8	3A. P505											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
48	EIA331	3	Đánh giá tác động môi trường_01 (QLTN 22)	Nguyễn Thị Nhâm Tuất	25/08/2025-26/10/2025	9											4,5	3B. P503	
				Nguyễn Thị Nhâm Tuất	24/11/2025-04/01/2026	6											4,5	3B. P503	
49	TDH331	3	Đào tạo và phát triển nhân lực_01 (KHQL 20)	Nguyễn Thị Kim Phương	25/08/2025-16/11/2025	12							7,8,9,10	3B. P103					
50	PRJ231	3	Dạy học dự án_01 (Văn1 22)	Tạ Thị Thảo	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8,9	3B. P202									
				Nguyễn Thị Hồng Trâm	24/11/2025-04/01/2026	6			7,8,9	3B. P202									
51	PRJ231	3	Dạy học dự án_02 (Văn2 22)	Tạ Thị Thảo	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8,9	3B. P501							
				Nguyễn Thị Hồng Trâm	24/11/2025-04/01/2026	6					7,8,9	3B. P501							
52	MHR331	3	Di tích và danh thắng Việt Nam_01 (DL 20 NĐ, DL 21 NĐ)	Mai Thị Hồng Vĩnh	27/10/2025-16/11/2025	3			7,8,9	3A. P102									
				Mai Thị Hồng Vĩnh		3					7,8	3A. P102							
				Mai Thị Hồng Vĩnh		3							7,8	3A. P102					
				Mai Thị Hồng Vĩnh		3											7,8,9	3A. P102	
53	DHR331	3	Di truyền y học_01 (CNSH 21)	Trưởng A Tài	25/08/2025-02/11/2025	10									1,2,3	CP.6 (Sinh)			
				Trưởng A Tài	06/10/2025-16/11/2025	6			7,8,9, 10,11	PTN									
54	FFL321	2	Dịch tễ học_01 (CNSH 22)	MG: Trần Thế Hoàng	25/08/2025-19/10/2025	8							10,11	3A. P303					
				MG: Trần Thế Hoàng	24/11/2025-04/01/2026	6									7,8,9, 10,11	PTN			
55	TDE331	3	Dịch thuật 1_01 (Anh 21)	Nguyễn Giang An	25/08/2025-07/12/2025	15									1,2,3	3B. P302			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
56	TDE332	3	Dịch thuật 2_01 (Anh 20)	Nguyễn Thị Quế	25/08/2025-16/11/2025	12			10,11	3B. P304									
				Nguyễn Thị Quế		12							10,11	3B. P302					
57	ENT331	3	Dịch thuật tiếng Anh_01 (AT 20, AH 20)	Nguyễn Thị Quế	25/08/2025-16/11/2025	12	7,8	3B. P503											
				Nguyễn Thị Quế		12					7,8	3B. P503							
58	ETM231	3	Điện tử học I_01 (LýBD 22)	Nguyễn Thị Hiền	25/08/2025-26/10/2025	9											7,8,9	3A. P101	
				Nguyễn Thị Hiền	24/11/2025-04/01/2026	6											7,8,9	3A. P101	
59	VKT241	4	Đối dịch Việt - Hàn_01 (HQ1 20)	Hồ Thị Ngọc Bích	25/08/2025-16/11/2025	12			1,2,3	3B. P501									
				Hồ Thị Ngọc Bích		12							4,5	3B. P501					
60	VKT241	4	Đối dịch Việt - Hàn_02 (HQ2 20)	Hồ Thị Ngọc Bích	25/08/2025-16/11/2025	12					4,5	3B. P403							
				Hồ Thị Ngọc Bích		12							1,2,3	3B. P403					
61	VKT241	4	Đối dịch Việt - Hàn_03 (AH 20, HQ1 20, HQ2 20)	Hồ Thị Ngọc Bích	25/08/2025-16/11/2025	12			4,5	3B. P503									
				Hồ Thị Ngọc Bích		12					1,2,3	3B. P503							
62	KJI331	3	Du lịch cộng đồng_01 (DL 20 NĐ, DL 21 NĐ, DTTS 22)	Đàm Thị Tầm	27/10/2025-16/11/2025	3					9,10,11	3A. P102							
				Đàm Thị Tầm		3											10,11	3A. P102	
				Đàm Thị Tầm		3			10,11	3A. P102									
				Đàm Thị Tầm		3							9,10,11	3A. P102					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
63	HVS331	3	Du lịch sinh thái_01 (DL 20 NĐ)	Nguyễn Thị Hồng Viên	27/10/2025-16/11/2025	3			1,2	3B. P202									
				Nguyễn Thị Hồng Viên		3	7,8,9,10	3A. P102											
				Nguyễn Thị Hồng Viên		3								7,8,9,10	3A. P102				
64	AIP322	2	Giải phẫu sinh lý_01 (CNSH 22)	Hứa Nguyệt Mai	25/08/2025-19/10/2025	8	7,8	3A. P303											
				Hứa Nguyệt Mai	24/11/2025-04/01/2026	6					7,8,9, 10,11	PTN							
65	ANA133	3	Giải tích A3_01 (Toán1 22)	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8,9	3B. P402									
				Nguyễn Thị Thanh Huyền	24/11/2025-04/01/2026	6			7,8,9	3B. P402									
66	ANA133	3	Giải tích A3_02 (Toán2 22)	Nguyễn Thanh Sơn	25/08/2025-26/10/2025	9					9,10,11	3B. P401							
				Nguyễn Thanh Sơn	24/11/2025-04/01/2026	6					9,10,11	3B. P401							
67	ANA133	3	Giải tích A3_03 (TT 22)	Dương Thị Hồng	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8,9	3A. P402									
				Dương Thị Hồng	24/11/2025-04/01/2026	6			7,8,9	3A. P402									
68	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_01 (TQ1 22)	Đỗ Thái Phong	18/08/2025-26/10/2025	10							1,2,3	Sân bóng rổ					
69	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_02 (TQ2 22)	Hoàng Minh Tuấn	18/08/2025-26/10/2025	10										9,10,11	Sân bóng rổ		
70	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_03 (TQ3 22)	Đỗ Thái Phong	18/08/2025-26/10/2025	10									1,2,3	Sân bóng rổ			
71	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_04 (TQ4 22)	Nguyễn Đức Toàn	18/08/2025-26/10/2025	10									9,10,11	Sân bóng rổ			
72	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_05 (TQ5 22)	Nguyễn Đức Toàn	18/08/2025-26/10/2025	10			9,10,11	Sân bóng rổ									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
73	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_06 (TQ6 22)	Đỗ Thái Phong	18/08/2025-26/10/2025	10	1,2,3	Sân bóng rổ											
74	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_07 (TQ7 22)	Nguyễn Đức Toàn	18/08/2025-26/10/2025	10							1,2,3	Sân bóng rổ					
75	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_08 (TQ8 22)	Đỗ Thái Phong	18/08/2025-26/10/2025	10			1,2,3	Sân bóng rổ									
76	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_09 (TQ9 22)	Đỗ Thái Phong	18/08/2025-26/10/2025	10					1,2,3	Sân bóng rổ							
77	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_10 (Sử1 22)	Đỗ Thái Phong	18/08/2025-26/10/2025	10	9,10,11	Sân bóng rổ											
78	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_11 (Sử2 22)	Đỗ Thái Phong	18/08/2025-26/10/2025	10			9,10,11	Sân bóng rổ									
79	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_12 (Văn1 22)	Hoàng Minh Tuấn	18/08/2025-26/10/2025	10											1,2,3	Sân bóng rổ	
80	PHE132	1	Giáo dục thể chất 2_13 (Văn2 22)	Đoàn Hải Linh	18/08/2025-26/10/2025	10											1,2,3	Sân bóng rổ	
81	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_01 (Toán1 22)	Dương Minh Cường	18/08/2025-26/10/2025	10							1,2,3	Sân tập 1					
82	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_02 (Toán2 22, DTTS 22)	Lê Trung Kiên	18/08/2025-26/10/2025	10					1,2,3	Sân tập 1							
83	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_03 (QTDV 22)	Dương Văn Tiệp	18/08/2025-26/10/2025	10	3,4,5	Sân tập 1											
84	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_04 (QTDV 22, DL 22)	Dương Văn Tiệp	18/08/2025-26/10/2025	10	9,10,11	Sân tập 1											
85	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_05 (Luật1 22)	Lê Trung Kiên	18/08/2025-26/10/2025	10							3,4,5	Sân tập 1					
86	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_06 (Luật2 22)	Lê Trung Kiên	18/08/2025-26/10/2025	10							1,2,3	Sân tập 1					
87	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_07 (TT 22, DVPL 22)	Lê Trung Kiên	18/08/2025-26/10/2025	10									1,2,3	Sân tập 1			
88	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_08 (BC 22, QLTN 22)	Lê Trung Kiên	18/08/2025-26/10/2025	10									3,4,5	Sân tập 1			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
89	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_09 (Anh 22)	Dương Văn Tiếp	18/08/2025-26/10/2025	10											9,10,11	Sân tập 1	
90	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_10 (AT1 22, HóaGV 22)	Dương Văn Tiếp	18/08/2025-26/10/2025	10											1,2,3	Sân tập 1	
91	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_11 (AT2 22, CNSH 22)	Lê Trung Kiên	18/08/2025-26/10/2025	10			1,2,3	Sân tập 1									
92	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_12 (AT3 22, CNH 22)	Lê Trung Kiên	18/08/2025-26/10/2025	10			3,4,5	Sân tập 1									
93	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_13 (HQ1 22, TV 22)	Dương Minh Cường	18/08/2025-26/10/2025	10	1,2,3	Sân tập 1											
94	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_14 (HQ2 22)	Dương Văn Tiếp	18/08/2025-26/10/2025	10											3,4,5	Sân tập 1	
95	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_15 (CTXH 22, LýGV 22, LýBD 22)	Dương Văn Tiếp	18/08/2025-26/10/2025	10									9,10,11	Sân tập 1			
96	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_16 (KHQL1 22, AH 22)	Lê Trung Kiên	18/08/2025-26/10/2025	10					3,4,5	Sân tập 1							
97	PHE133	1	Giáo dục thể chất 3_17 (KHQL2 22, AH 22)	Dương Minh Cường	18/08/2025-26/10/2025	10			1,2,3	Sân tập 1									
98	CUC232	3	Giao tiếp văn hóa 2_01 (TQ1 21)	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9	1,2,3	3B. P101											
				MG: Hoàng Lệ Quỳnh		9					4,5	3B. P502							
99	CUC232	3	Giao tiếp văn hóa 2_02 (TQ2 21)	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9	4,5	3B. P102											
				MG: Hoàng Lệ Quỳnh		9					1,2,3	3B. P102							
100	CUC232	3	Giao tiếp văn hóa 2_03 (TQ3 21)	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9									1,2	3B. P103			
				MG: Hoàng Lệ Quỳnh		9			3,4,5	3B. P103									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
101	CUC232	3	Giao tiếp văn hóa 2_04 (TQ4 21)	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9							1,2	3B. P202					
				MG: Hoàng Lệ Quỳnh		9									3,4,5	3B. P202			
102	CUC232	3	Giao tiếp văn hóa 2_05 (TQ5 21)	MG: Hoàng Lệ Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9			1,2	3B. P202									
				MG: Hoàng Lệ Quỳnh		9							3,4,5	3B. P101					
103	GDE231	3	Giới và phát triển_01 (CTXH 21)	Tạ Thị Thảo	25/08/2025-07/12/2025	15									1,2,3	3B. P301			
104	FCV231	3	Hàm biến phức_01 (Toán1 22)	Nguyễn Thanh Hường	25/08/2025-26/10/2025	9			10,11	3B. P402									
				Nguyễn Thanh Hường		9	10,11	3B. P402											
				Nguyễn Thanh Hường	24/11/2025-14/12/2025	3	10,11	3B. P402											
				Nguyễn Thanh Hường		3			10,11	3B. P402									
105	FCV231	3	Hàm biến phức_02 (Toán2 22)	Dương Thị Hồng	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8	3B. P401											
				Dương Thị Hồng		9			10,11	3B. P403									
				Dương Thị Hồng	24/11/2025-14/12/2025	3			10,11	3B. P403									
				Dương Thị Hồng		3	7,8	3B. P401											
106	FIA231	3	Hàm thực và Giải tích hàm_01 (Toán 21)	Trương Minh Tuyên	25/08/2025-07/12/2025	15					3,4,5	3B. P104							
107	FIA231	3	Hàm thực và Giải tích hàm_02 (Toán1 22)	Trương Minh Tuyên	25/08/2025-26/10/2025	9							9,10,11	3B. P402					
				Trương Minh Tuyên	24/11/2025-04/01/2026	6							9,10,11	3B. P402					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
108	FIA231	3	Hàm thực và Giải tích hàm_03 (Toán2 22)	Nguyễn Song Hà	25/08/2025-26/10/2025	9	9,10,11	3B. P401											
				Nguyễn Song Hà	24/11/2025-04/01/2026	6	9,10,11	3B. P401											
109	HBS231	3	Hành vi con người và MTXH_01 (CTXH 22)	Nguyễn Hồng Cúc	25/08/2025-26/10/2025	9											1,2,3	3A. P102	
				Nguyễn Hồng Cúc	24/11/2025-04/01/2026	6											1,2,3	3A. P102	
110	EGE331	3	Hình học sơ cấp_01 (Toán 20)	Ngô Văn Định	25/08/2025-19/10/2025	8	9,10,11	3A. P505											
				Ngô Văn Định		8					9,10,11	3A. P505							
111	GED331	3	Hình học vi phân_01 (Toán 20)	Nguyễn Thanh Sơn	25/08/2025-16/11/2025	12							9,10	3A. P505					
				Nguyễn Thanh Sơn		12			7,8	3A. P505									
112	CHT331	3	Hóa công nghệ_01 (CNH 21, HóaGV 21)	Bùi Minh Quý	25/08/2025-07/12/2025	15							1,2,3	CP.5 (Hóa)					
113	FDJ221	2	Hóa học xanh_01 (CNH 20, Dược 20)	Trương Thị Thảo	25/08/2025-02/11/2025	10			9,10,11	CP.5 (Hóa)									
114	ORC231	3	Hóa hữu cơ_01 (CNH 22)	Khiếu Thị Tâm	25/08/2025-28/09/2025	5									1,2,3	CP.5 (Hóa)			
				Vũ Tuấn Kiên	29/09/2025-26/10/2025	4									1,2,3	CP.5 (Hóa)			
				Vũ Tuấn Kiên	24/11/2025-04/01/2026	6									1,2,3	CP.5 (Hóa)			
115	PHC331	3	Hóa lý_01 (CNH 22, HóaGV 22, HóaGV 21)	Trương Thị Thảo	25/08/2025-26/10/2025	9											7,8,9,10	3A. P303	
				Trương Thị Thảo	24/11/2025-28/12/2025	5											7,8,9,10	3A. P303	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
116	ANC231	3	Hóa phân tích_01 (CNH 22, HóaGV 22)	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/08/2025-26/10/2025	9					1,2,3	CP.5 (Hóa)							
				Nguyễn Thị Kim Ngân	24/11/2025-04/01/2026	6					1,2,3	CP.5 (Hóa)							
117	BIC331	3	Hóa sinh học_01 (HóaGV 21)	Cao Thanh Hải	25/08/2025-30/11/2025	14			4,5	CP.5 (Hóa)									
				Cao Thanh Hải		14							4,5	CP.5 (Hóa)					
118	FHT331	3	Hoạch định và tuyển dụng nhân lực_01 (KHQL 20)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-05/10/2025	6											1,2,3,4	3B. P104	
				Bê Hồng Cúc	06/10/2025-16/11/2025	6											1,2,3,4	3B. P104	
119	SPP331	3	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao_01 (TD 20)	Hoàng Minh Tuấn	25/08/2025-16/11/2025	12	7,8	P.203 (PH số 1)											
				Hoàng Minh Tuấn		12					8,9	P.203 (PH số 1)							
120	STU321	2	Khởi nghiệp_01 (QTDV 20, TD 21)	Trương Phúc Hưng	25/08/2025-02/11/2025	10					9,10,11	3B. P403							
121	SUS331	3	Kinh doanh dịch vụ bổ sung_01 (QTDV 20)	Lê Thị Anh	25/08/2025-02/11/2025	10											7,8,9	3B. P202	
122	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_01 (Văn1 22)	Lê Thị Sự	18/08/2025-24/08/2025	1	3,4,5	3A. P101											
				Lê Thị Sự		1					3,4,5	3A. P101							
				Lê Thị Sự		1									2,3	3A. P101			
				Lê Thị Sự	25/08/2025-26/10/2025	9					8,9	Online							
				Lê Thị Sự	24/11/2025-07/12/2025	2					8,9	Online							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
123	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_02 (Văn2 22)	Lê Thị Sự	18/08/2025-24/08/2025	1			3,4,5	3A. P101									
				Lê Thị Sự		1							3,4,5	3A. P101					
				Lê Thị Sự		1					1,2	3A. P101							
				Lê Thị Sự	25/08/2025-26/10/2025	9			10,11	Online									
				Lê Thị Sự	24/11/2025-07/12/2025	2			10,11	Online									
124	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_03 (Toán1 22)	Trịnh Thị Nghĩa	18/08/2025-24/08/2025	1					7,8,9	3A. P101							
				Trịnh Thị Nghĩa		1											1,2	3A. P101	
				Trịnh Thị Nghĩa		1	7,8,9	3A. P101											
				Trịnh Thị Nghĩa	25/08/2025-26/10/2025	9									10,11	Online			
				Trịnh Thị Nghĩa	24/11/2025-07/12/2025	2									10,11	Online			
125	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_04 (Toán2 22)	Trịnh Thị Nghĩa	18/08/2025-24/08/2025	1											3,4	3A. P101	
				Trịnh Thị Nghĩa		1			7,8,9	3A. P101									
				Trịnh Thị Nghĩa		1							7,8,9	3A. P101					
				Trịnh Thị Nghĩa	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8	Online			
				Trịnh Thị Nghĩa	24/11/2025-07/12/2025	2									7,8	Online			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
126	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_05 (TT 22, Toán1 22)	Trương Thị Thảo Nguyên	18/08/2025-24/08/2025	1			9,10,11	3A. P103									
				Trương Thị Thảo Nguyên		1							9,10,11	3A. P103					
				Trương Thị Thảo Nguyên		1									8,9	3A. P103			
				Trương Thị Thảo Nguyên	25/08/2025-26/10/2025	9							4,5	Online					
				Trương Thị Thảo Nguyên	24/11/2025-07/12/2025	2							4,5	Online					
127	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_06 (BC 22, BC 20)	Trương Thị Thảo Nguyên	18/08/2025-24/08/2025	1							7,8	3A. P103					
				Trương Thị Thảo Nguyên		1	9,10,11	3A. P103											
				Trương Thị Thảo Nguyên		1					9,10,11	3A. P103							
				Trương Thị Thảo Nguyên	25/08/2025-26/10/2025	9							1,2	Online					
				Trương Thị Thảo Nguyên	24/11/2025-07/12/2025	2							1,2	Online					
128	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_07 (DL 22)	Trịnh Thị Nghĩa	18/08/2025-24/08/2025	1	1,2,3	3A. P103											
				Trịnh Thị Nghĩa		1					1,2,3	3A. P103							
				Trịnh Thị Nghĩa		1									3,4	3A. P103			
				Trịnh Thị Nghĩa	25/08/2025-26/10/2025	9							4,5	Online					
				Trịnh Thị Nghĩa	24/11/2025-07/12/2025	2							4,5	Online					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
129	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_08 (QTDV 22)	Trịnh Thị Nghĩa	18/08/2025-24/08/2025	1									1,2	3A. P103			
				Trịnh Thị Nghĩa		1			3,4,5	3A. P103									
				Trịnh Thị Nghĩa		1							3,4,5	3A. P103					
				Trịnh Thị Nghĩa	25/08/2025-26/10/2025	9							1,2	Online					
				Trịnh Thị Nghĩa	24/11/2025-07/12/2025	2							1,2	Online					
130	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_09 (QTDV 22, DVPL 22)	Đinh Thị Hiền	18/08/2025-24/08/2025	1	3,4,5	3A. P104											
				Đinh Thị Hiền		1					3,4,5	3A. P104							
				Đinh Thị Hiền		1									4,5	3A. P104			
				Đinh Thị Hiền	25/08/2025-26/10/2025	9							1,2	Online					
				Đinh Thị Hiền	24/11/2025-07/12/2025	2							1,2	Online					
131	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_10 (KHQL1 22)	Đinh Thị Hiền	18/08/2025-24/08/2025	1							3,4,5	3A. P104					
				Đinh Thị Hiền		1									2,3	3A. P104			
				Đinh Thị Hiền		1			3,4,5	3A. P104									
				Đinh Thị Hiền	25/08/2025-26/10/2025	9	1,2	Online											
				Đinh Thị Hiền	24/11/2025-07/12/2025	2	1,2	Online											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
132	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_11 (KHQL2 22)	Trương Thị Thảo Nguyên	18/08/2025-24/08/2025	1	1,2,3	3A. P202											
				Trương Thị Thảo Nguyên		1					3,4,5	3A. P202							
				Trương Thị Thảo Nguyên		1								4,5	3A. P202				
				Trương Thị Thảo Nguyên	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8	Online											
				Trương Thị Thảo Nguyên	24/11/2025-07/12/2025	2	7,8	Online											
133	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_12 (TD 22, TV 22, HóaGV 22)	Trương Thị Thảo Nguyên	18/08/2025-24/08/2025	1									2,3	3A. P202			
				Trương Thị Thảo Nguyên		1			1,2,3	3A. P202									
				Trương Thị Thảo Nguyên		1						3,4,5	3A. P202						
				Trương Thị Thảo Nguyên	25/08/2025-26/10/2025	9									1,2	Online			
				Trương Thị Thảo Nguyên	24/11/2025-07/12/2025	2									1,2	Online			
134	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_13 (Văn1 22, Văn2 22)	Đinh Thị Hiền	18/08/2025-24/08/2025	1	7,8	3A. P104											
				Đinh Thị Hiền		1			9,10,11	3A. P104									
				Đinh Thị Hiền		1						9,10,11	3A. P104						
				Đinh Thị Hiền	25/08/2025-26/10/2025	9					1,2	Online							
				Đinh Thị Hiền	24/11/2025-07/12/2025	2					1,2	Online							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
135	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_14 (HQ1 22)	Đinh Thị Hiền	18/08/2025-24/08/2025	1									8,9	3A. P104			
				Đinh Thị Hiền		1	9,10,11	3A. P104											
				Đinh Thị Hiền		1					9,10,11	3A. P104							
				Đinh Thị Hiền	25/08/2025-26/10/2025	9			10,11	Online									
				Đinh Thị Hiền	24/11/2025-07/12/2025	2			10,11	Online									
136	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_15 (HQ2 22)	Lê Thị Sự	18/08/2025-24/08/2025	1							9,10,11	3A. P202					
				Lê Thị Sự		1			9,10,11	3A. P202									
				Lê Thị Sự		1									10,11	3A. P202			
				Lê Thị Sự	25/08/2025-26/10/2025	9									10,11	Online			
				Lê Thị Sự	24/11/2025-07/12/2025	2									10,11	Online			
137	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_16 (CTXH 22, HQ2 22)	Lê Thị Sự	18/08/2025-24/08/2025	1									8,9	3A. P202			
				Lê Thị Sự		1	9,10,11	3A. P202											
				Lê Thị Sự		1					9,10,11	3A. P202							
				Lê Thị Sự	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8	Online			
				Lê Thị Sự	24/11/2025-07/12/2025	2									7,8	Online			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
138	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_17 (Sử1 22)	MG: Đinh Thị Tuyết	18/08/2025-24/08/2025	1			3,4,5	3A. P201									
				MG: Đinh Thị Tuyết		1							3,4,5	3A. P201					
				MG: Đinh Thị Tuyết		1									2,3	3A. P201			
				MG: Đinh Thị Tuyết	25/08/2025-26/10/2025	9					10,11	Online							
				MG: Đinh Thị Tuyết	24/11/2025-07/12/2025	2					10,11	Online							
139	EIM121	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin_18 (Sử2 22)	MG: Đinh Thị Tuyết	18/08/2025-24/08/2025	1									4,5	3A. P201			
				MG: Đinh Thị Tuyết		1					3,4,5	3A. P201							
				MG: Đinh Thị Tuyết		1	3,4,5	3A. P201											
				MG: Đinh Thị Tuyết	25/08/2025-26/10/2025	9									4,5	Online			
				MG: Đinh Thị Tuyết	24/11/2025-07/12/2025	2									4,5	Online			
140	HFD333	3	Kinh tế du lịch_01 (QTDV 22)	Chu Thành Huy	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8	3A. P204			
				Chu Thành Huy	24/11/2025-04/01/2026	6									7,8	3A. P204			
				Chu Thành Huy		6					1,2,3,4,5	3B. P202							
141	HFD333	3	Kinh tế du lịch_02 (DL 22, QTDV 22)	Chu Thành Huy	25/08/2025-26/10/2025	9							10,11	3A. P204					
				Chu Thành Huy	24/11/2025-04/01/2026	6							10,11	3A. P204					
				Chu Thành Huy		6	7,8,9, 10,11	3B. P101											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
142	KOE231	3	Kinh tế Hàn Quốc_01 (HQ1 22)	Hoàng Lâm	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8,9	3A. P104					
				Hoàng Lâm	24/11/2025-04/01/2026	6							7,8,9	3A. P104					
143	KOE231	3	Kinh tế Hàn Quốc_02 (HQ2 22)	MG: Trần Nhuận Kiên	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8,9	3A. P501									
				MG: Trần Nhuận Kiên	24/11/2025-04/01/2026	6			7,8,9	3A. P501									
144	MHC331	3	Kinh tế học TDTT_01 (TD 20)	Nguyễn Đức Toàn	25/08/2025-16/11/2025	12							7,8,9,10	P.203 (PH số 1)					
145	CNS321	2	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng_01 (Luật 20)	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	25/08/2025-23/11/2025	13									7,8,9	3B. P204			
146	NDC331	3	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng_02 (DVPL 20)	Nguyễn Thị Thu Hường	25/08/2025-09/11/2025	11	7,8	3B. P201											
				Nguyễn Thị Thu Hường		11							9,10,11	3B. P201					
147	PRS331	3	Kỹ năng dẫn chương trình_01 (BC 20)	Đinh Thị Quỳnh Trang	25/08/2025-16/11/2025	12	9,10,11	PNV BC-TT											
				Nguyễn Thái Sơn		12			7,8	PNV BC-TT									
148	ICS331	3	Kỹ năng điều tra, thu thập và xử lý thông tin dân sự_01 (DVPL 20)	MG: Bùi Văn Lương	25/08/2025-16/11/2025	12					9,10,11	3B. P201							
				MG: Bùi Văn Lương		12									10,11	3B. P201			
149	SRK231	3	Kỹ năng đọc viết tiếng Hàn_01 (HQ1 22)	Trần Thị Thanh Hương	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8,9	3B. P402							
				Trần Thị Thanh Hương	24/11/2025-04/01/2026	6					7,8,9	3B. P402							
150	SRK231	3	Kỹ năng đọc viết tiếng Hàn_02 (HQ2 22)	Trần Thị Thanh Hương	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8,9	3A. P401					
				Trần Thị Thanh Hương	24/11/2025-04/01/2026	6							7,8,9	3A. P401					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
151	SRK231	3	Kỹ năng đọc viết tiếng Hàn_03 (AH 22)	Trần Thị Thanh Hương	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8,9	3A. P303			
				Trần Thị Thanh Hương	24/11/2025-04/01/2026	6									7,8,9	3A. P303			
152	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_01 (AT1 22)	La Thị Mỹ Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8,9	3A. P302							
				La Thị Mỹ Quỳnh	24/11/2025-04/01/2026	6					7,8,9	3A. P302							
153	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_02 (AT2 22, AH 22)	Phạm Thị Vân Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9									1,2,3	3B. P102			
				Phạm Thị Vân Huyền	24/11/2025-04/01/2026	6									1,2,3	3B. P102			
154	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_03 (AT3 22)	Phạm Thị Vân Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9											1,2,3	3B. P303	
				Phạm Thị Vân Huyền	24/11/2025-04/01/2026	6											1,2,3	3B. P303	
155	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_04 (Anh 22)	Nguyễn Thị Trà My	25/08/2025-26/10/2025	9							9,10,11	3A. P301					
				Nguyễn Thị Trà My	24/11/2025-04/01/2026	6							9,10,11	3A. P301					
156	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_05 (HQ1 22)	Trịnh Thị Thu Hòa	25/08/2025-26/10/2025	9					10,11	3B. P402							
				Trịnh Thị Thu Hòa		9	7,8	3A. P302											
				Trịnh Thị Thu Hòa	24/11/2025-14/12/2025	3	7,8	3A. P302											
				Trịnh Thị Thu Hòa		3					10,11	3B. P402							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
157	CTO332	3	Kỹ năng giao tiếp_06 (HQ2 22)	Nghiêm Thị Hồ Thu	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8	3B. P202							
				Nghiêm Thị Hồ Thu		9			10,11	3A. P501									
				Nghiêm Thị Hồ Thu	24/11/2025-14/12/2025	3			10,11	3A. P501									
				Nghiêm Thị Hồ Thu		3					7,8	3B. P202							
158	HFJ431	3	Kỹ năng phòng vấn_01 (BC 21)	Nguyễn Thị Trà My	25/08/2025-07/12/2025	15							1,2,3,4	PNV BC-TT					
159	JFG431	3	Kỹ năng quản lý_01 (KHQL 21)	Bùi Trọng Tài	25/08/2025-07/12/2025	15			1,2,3	3B. P402									
160	TMS231	3	Kỹ năng quản lý thời gian và giải quyết vấn đề_01 (Văn 21, Sử 21, HóaGV 21)	Bùi Trọng Tài	25/08/2025-07/12/2025	15	1,2,3	3B. P401											
161	DPS241	4	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Hàn_01 (HQ1 20)	Phạm Thị Tuyết Nhung	25/08/2025-16/11/2025	12	1,2,3	3B. P501											
				Phạm Thị Tuyết Nhung		12									4,5	3B. P501			
162	DPS241	4	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Hàn_02 (HQ2 20)	Phạm Thị Tuyết Nhung	25/08/2025-16/11/2025	12	4,5	3B. P403											
				Phạm Thị Tuyết Nhung		12					1,2,3	3B. P403							
163	DPS241	4	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Hàn_03 (AH 20, HQ1 20, HQ2 20)	Phạm Thị Tuyết Nhung	25/08/2025-16/11/2025	12					4,5	3B. P503							
				Phạm Thị Tuyết Nhung		12									1,2,3	3B. P503			
164	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_01 (AT1 22)	Nguyễn Thị Quế	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8,9	3A. P302									
				Nguyễn Thị Quế	24/11/2025-04/01/2026	6			7,8,9	3A. P302									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
165	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_02 (AT2 22)	Nguyễn Thị Quế	25/08/2025-26/10/2025	9					9,10,11	3A. P304							
				Nguyễn Thị Quế	24/11/2025-04/01/2026	6					9,10,11	3A. P304							
166	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_03 (AT3 22)	Nguyễn Thị Quế	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8,9	3B. P302					
				Nguyễn Thị Quế	24/11/2025-04/01/2026	6							7,8,9	3B. P302					
167	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_04 (Anh 22)	Nguyễn Thị Quế	25/08/2025-26/10/2025	9	9,10,11	3A. P301											
				Nguyễn Thị Quế	24/11/2025-04/01/2026	6	9,10,11	3A. P301											
168	SWO332	3	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh_05 (AH 22, Anh 22)	Nguyễn Thị Quế	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8,9	3A. P201			
				Nguyễn Thị Quế	24/11/2025-04/01/2026	6									7,8,9	3A. P201			
169	CSW231	3	Kỹ năng truyền thông trong CTXH_01 (CTXH 21)	MG: Nguyễn Đỗ Hương Giang	25/08/2025-07/12/2025	15	1,2,3	3B. P303											
170	LCS321	2	Kỹ năng tư vấn pháp luật_01 (Luật 20)	Nguyễn Thị Thùy Giang	25/08/2025-23/11/2025	13							9,10,11	3B. P204					
171	LCS331	3	Kỹ năng tư vấn pháp luật_02 (CTXH 22, CTXH 21)	Nguyễn Hải Ngân	25/08/2025-07/12/2025	15			7,8	3A. P503									
				Nguyễn Hải Ngân		15									4,5	3B. P301			
172	EEN231	3	Kỹ thuật điện tử I_01 (LýGV 22, LýBD 22)	Nguyễn Văn Khiển	25/08/2025-26/10/2025	9	9,10,11	3A. P403											
				Nguyễn Văn Khiển	24/11/2025-04/01/2026	6	9,10,11	3A. P403											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
173	PHT231	3	Kỹ thuật nhiếp ảnh_01 (BC 22)	Phạm Anh Nguyên	25/08/2025-26/10/2025	9			9,10	3A. P102									
				Phạm Anh Nguyên		9					7,8	3A. P402							
				Phạm Anh Nguyên	24/11/2025-04/01/2026	6			9,10	3A. P102									
				Phạm Anh Nguyên		6					7,8	3A. P402							
174	DIE231	3	Kỹ thuật số_01 (Lý 21)	Nguyễn Văn Khiển	25/08/2025-07/12/2025	15			1,2,3	CP.4 (Lý)									
175	TET131	3	Kỹ thuật soạn thảo văn bản_01 (KHQL 21)	Vũ Thị Vân	25/08/2025-07/12/2025	15			9,10,11	3A. P503									
176	KFG231	3	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính_01 (DVPL 22)	Lê Thanh Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8	3A. P203											
				Lê Thanh Huyền		9									7,8	3A. P203			
				Lê Thanh Huyền	24/11/2025-28/12/2025	5	7,8	3A. P203											
				Lê Thanh Huyền		5									7,8	3A. P203			
177	NWT231	3	Kỹ thuật viết tin_01 (BC 22)	Phạm Anh Nguyên	25/08/2025-26/10/2025	9											10,11	3A. P103	
				Phạm Anh Nguyên		9					9,10	3A. P102							
				Phạm Anh Nguyên	24/11/2025-04/01/2026	6											10,11	3A. P103	
				Phạm Anh Nguyên		6					9,10	3A. P102							
178	WEB331	3	Lập trình Web 1_01 (TT 20)	Nguyễn Huyền Trang	25/08/2025-19/10/2025	8					7,8	PM 3							
				Nguyễn Huyền Trang		8							7,8,9	PM 3					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
179	FFV231	3	Lễ hội dân gian các DTTS Việt Nam_01 (DTTS 22)	Hà Xuân Hương	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8,9	3A. P102			
				Hà Xuân Hương	24/11/2025-04/01/2026	6									7,8,9	3A. P102			
180	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_01 (QTDV 20)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3							9,10,11	3B. P403					
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-02/11/2025	7							1,2,3	Online					
181	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_02 (BC 20, DVPL 20, TV 20, CNSH 21)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3									7,8,9	3B. P402			
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-02/11/2025	7			3,4,5	Online									
182	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_03 (TQ1 21)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3			1,2	3B. P101									
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-07/12/2025	12	7,8	Online											
183	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_04 (TQ2 21)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3			4,5	3B. P304									
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-07/12/2025	12	10,11	Online											
184	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_05 (TQ3 21)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3	1,2	3B. P103											
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-07/12/2025	12			8,9	Online									
185	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_06 (TQ4 21)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3	4,5	3B. P202											
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-07/12/2025	12					1,2	Online							
186	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_07 (Luật 21)	Lê Thị Quỳnh Liu	25/08/2025-14/09/2025	3	10,11	3B. P103											
				Lê Thị Quỳnh Liu	15/09/2025-07/12/2025	12			10,11	Online									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
187	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_08 (AT 21)	Lê Thị Quỳnh Liu	25/08/2025-14/09/2025	3			7,8	3B. P502									
				Lê Thị Quỳnh Liu	15/09/2025-07/12/2025	12	8,9	Online											
188	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_09 (Anh 21, AH 21)	Lý Thị Thu Huyền	25/08/2025-14/09/2025	3									10,11	3B. P402			
				Lý Thị Thu Huyền	15/09/2025-07/12/2025	12			10,11	Online									
189	HIW243	4	Lịch sử thế giới hiện đại_01 (Sử1 22, Sử 20)	Vũ Thị Thu Hà	25/08/2025-28/09/2025	5			7,8	3A. P502									
				Vũ Thị Thu Hà		5									7,8	3A. P103			
				Dương Thị Huyền	29/09/2025-07/12/2025	10									7,8	3A. P103			
				Dương Thị Huyền		10			7,8	3A. P502									
190	HIW243	4	Lịch sử thế giới hiện đại_02 (Sử2 22)	Vũ Thị Thu Hà	25/08/2025-28/09/2025	5							10,11	3A. P104					
				Vũ Thị Thu Hà		5									10,11	3A. P201			
				Dương Thị Huyền	29/09/2025-07/12/2025	10									10,11	3A. P201			
				Dương Thị Huyền		10							10,11	3A. P104					
191	HMI131	3	Lịch sử tư tưởng quản lý_01 (KHQL1 22)	Nguyễn Thanh Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8	3B. P303			
				Nguyễn Thị Linh		9			10,11	3B. P303									
				Nguyễn Thị Linh	24/11/2025-14/12/2025	3									7,8	3B. P303			
				Nguyễn Thanh Huyền		3			10,11	3B. P303									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
192	HMI131	3	Lịch sử tư tưởng quản lý_02 (KHQL2 22)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-26/10/2025	9							10,11	3B. P303					
				Nguyễn Thanh Huyền		9			7,8	3B. P501									
				Nguyễn Thanh Huyền	24/11/2025-14/12/2025	3							10,11	3B. P303					
				Nguyễn Thị Linh		3			7,8	3B. P501									
193	NEF331	3	Lịch sử Việt Nam_01 (QTDV 22)	Mai Thị Hồng Vinh	25/08/2025-26/10/2025	9			9,10,11	3A. P404									
				Mai Thị Hồng Vinh	24/11/2025-04/01/2026	6			9,10,11	3A. P404									
194	GKU441	4	Lịch sử Việt Nam cận đại_01 (Sử 21)	Nguyễn Đại Đồng	25/08/2025-19/10/2025	8	4,5	3B. P504											
				Nguyễn Đại Đồng		8									7,8	3B. P104			
				Đoàn Thị Yến	20/10/2025-07/12/2025	7									7,8	3B. P104			
				Đoàn Thị Yến		7	4,5	3B. P504											
195	GVH231	3	Lịch sử Việt Nam đại cương_01 (Văn 20, TV 22)	Nguyễn Đại Đồng	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8	3B. P504									
				Nguyễn Đại Đồng		9					9,10,11	3B. P504							
196	HJW241	4	Lịch sử Việt Nam hiện đại_01 (Sử1 22, Sử 20)	Đoàn Thị Yến	25/08/2025-02/11/2025	10											2,3	3A. P202	
				Đoàn Thị Yến		10							10,11	3A. P502					
				Đặng Văn Duy	03/11/2025-07/12/2025	5							10,11	3A. P502					
				Đặng Văn Duy		5											2,3	3A. P202	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
197	HJW241	4	Lịch sử Việt Nam hiện đại_02 (Sử2 22)	Đoàn Thị Yến	25/08/2025-02/11/2025	10	10,11	3A. P501											
				Đoàn Thị Yến		10											4,5	3A. P202	
				Đặng Văn Duy	03/11/2025-07/12/2025	5	10,11	3A. P501											
				Đặng Văn Duy		5											4,5	3A. P202	
198	VIP221	3	Loại thẻ văn học_01 (Văn 20)	Vũ Thị Hạnh	25/08/2025-16/11/2025	12											9,10	3B. P201	
				Vũ Thị Hạnh		12					7,8	3B. P504							
199	LOG223	2	Logic học_01 (DVPL 22)	Nguyễn Thanh Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9									9,10,11	3A. P203			
				Nguyễn Thanh Huyền	24/11/2025-28/12/2025	5									9,10,11	3A. P203			
200	LOG131	3	Logic học đại cương_01 (KHQL1 22)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-26/10/2025	9											9,10,11	3B. P204	
				Nguyễn Thị Linh	24/11/2025-04/01/2026	6											9,10,11	3B. P204	
201	LOG131	3	Logic học đại cương_02 (KHQL2 22)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8,9	3B. P303					
				Nguyễn Thị Linh	24/11/2025-04/01/2026	6							7,8,9	3B. P303					
202	CIL331	3	Luật Dân sự 1_01 (Luật1 22)	Ma Thị Thanh Hiếu	25/08/2025-26/10/2025	9			9,10	3A. P401									
				Ma Thị Thanh Hiếu		9					7,8	3A. P401							
				Nguyễn Hải Ngân	24/11/2025-21/12/2025	4			9,10	3A. P401									
				Nguyễn Hải Ngân		4					7,8	3A. P401							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
203	CIL331	3	Luật Dân sự 1_02 (Luật2 22)	Nguyễn Hải Ngân	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8	3A. P404					
				Nguyễn Hải Ngân		9									9,10	3A. P404			
				Ma Thị Thanh Hiếu	24/11/2025-21/12/2025	4							7,8	3A. P404					
				Ma Thị Thanh Hiếu		4									9,10	3A. P404			
204	CIL331	3	Luật Dân sự 1_03 (DVPL 22)	Ma Thị Thanh Hiếu	25/08/2025-26/10/2025	9			1,2	3B. P303									
				Ma Thị Thanh Hiếu		9							9,10	3A. P203					
				Nguyễn Hải Ngân	24/11/2025-28/12/2025	5			1,2	3B. P303									
				Nguyễn Hải Ngân		5							9,10	3A. P203					
205	LOL431	3	Luật Đất đai_01 (DVPL 21)	Trịnh Vương An	25/08/2025-30/11/2025	14							2,3	3B. P201					
				Trịnh Vương An		14									4,5	3B. P201			
206	ADL331	3	Luật hành chính_01 (KHQL1 22)	Lê Thanh Huyền	25/08/2025-28/09/2025	5	9,10,11	3B. P303											
				Trịnh Vương An	29/09/2025-26/10/2025	4	9,10,11	3B. P303											
				Trịnh Vương An	24/11/2025-04/01/2026	6	9,10,11	3B. P303											
207	ADL331	3	Luật hành chính_02 (KHQL2 22)	Lê Thanh Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9			9,10,11	3B. P501									
				Lê Thanh Huyền	24/11/2025-04/01/2026	6			9,10,11	3B. P501									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
208	CRL431	3	Luật Hình sự 1_01 (Luật1 22)	Nguyễn Hoàng Ly	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8	3A. P401									
				Nguyễn Hoàng Ly		9					9,10	3A. P401							
				Nguyễn Hoàng Ly	24/11/2025-21/12/2025	4			7,8	3A. P401									
				Nguyễn Hoàng Ly		4					9,10	3A. P401							
209	CRL431	3	Luật Hình sự 1_02 (Luật2 22)	Nguyễn Hoàng Ly	25/08/2025-26/10/2025	9			10,11	3A. P104									
				Nguyễn Hoàng Ly		9					7,8	3A. P404							
				Nguyễn Hoàng Ly	24/11/2025-21/12/2025	4			10,11	3A. P104									
				Nguyễn Hoàng Ly		4					7,8	3A. P404							
210	CRL431	3	Luật Hình sự 1_03 (DVPL 22)	Nguyễn Hoàng Ly	25/08/2025-26/10/2025	9											7,8,9,10	3A. P203	
				Nguyễn Hoàng Ly	24/11/2025-28/12/2025	5											7,8,9,10	3A. P203	
211	MFL331	3	Luật Hôn nhân và gia đình_01 (Luật 21)	Nguyễn Hải Ngân	25/08/2025-23/11/2025	13	1,2	3B. P204											
				Nguyễn Hải Ngân		13			4,5	3B. P204									
212	SLD331	3	Luật Lao động_01 (Luật 21)	Nguyễn Thị Thu Hường	25/08/2025-23/11/2025	13					4,5	3B. P204							
				Nguyễn Thị Thu Hường		13			2,3	3B. P204									
213	SLD331	3	Luật Lao động_02 (KHQL 21, DVPL 21)	Tổng Thị Thu Trang	25/08/2025-07/12/2025	15					1,2	3B. P402							
				Tổng Thị Thu Trang		15			4,5	3B. P402									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học		
214	GIF331	3	Luật Tài chính_01 (Luật 21)	Nguyễn Thị Thùy Giang	25/08/2025-23/11/2025	13	3,4	3B. P204												
				Nguyễn Thị Thùy Giang		13						4,5	3B. P204							
215	FBL241	4	Luật Tài chính – Ngân hàng_01 (DVPL 21)	Nguyễn Thị Thùy Giang	25/08/2025-07/12/2025	15									1,2,3	3B. P201				
				Nguyễn Thị Thùy Giang		15	1,2	3B. P201												
216	SHI231	3	Luật thể dục thể thao_01 (TD 22)	Dương Văn Tiệp	25/08/2025-26/10/2025	9			1,2,3	P.203 (PH số 1)										
				Dương Văn Tiệp	24/11/2025-04/01/2026	6			1,2,3	P.203 (PH số 1)										
217	CPL232	3	Luật Tố tụng dân sự_01 (Luật 21)	Nguyễn Hải Ngân	25/08/2025-12/10/2025	7	8,9	3B. P103												
				Nguyễn Hải Ngân		7					2,3	3B. P204								
				Ma Thị Thanh Hiếu	13/10/2025-23/11/2025	6	8,9	3B. P103												
				Ma Thị Thanh Hiếu		6					2,3	3B. P204								
218	CPL232	3	Luật Tố tụng dân sự_02 (DVPL 21)	Nguyễn Hải Ngân	25/08/2025-12/10/2025	7	10,11	3B. P104												
				Nguyễn Hải Ngân		7					9,10	3B. P303								
				Ma Thị Thanh Hiếu	13/10/2025-30/11/2025	7	10,11	3B. P104												
				Ma Thị Thanh Hiếu		7					9,10	3B. P303								
219	GKI331	3	Luật Tố tụng hình sự_01 (Luật 21)	Dương Thị Xuân Quý	25/08/2025-23/11/2025	13						2,3	3B. P204							
				Dương Thị Xuân Quý		13									4,5	3B. P204				

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
220	CLM322	2	Luật tục các dân tộc thiểu số Việt Nam_01 (Luật 21)	Lường Thị Hạnh	25/08/2025-16/11/2025	12									1,2,3	3B. P204			
221	GHH331	3	Luật và chính sách môi trường_01 (QLTN 21)	Vì Thùy Linh	25/08/2025-07/12/2025	15			4,5	CP.1 (MT)									
222	LTH332	3	Lý luận văn học 2_01 (Văn1 22)	Vũ Thị Hạnh	25/08/2025-26/10/2025	9			10,11	3B. P102									
				Vũ Thị Hạnh		9							10,11	3B. P202					
				Vũ Thị Hạnh	24/11/2025-14/12/2025	3			10,11	3B. P102									
				Vũ Thị Hạnh		3							10,11	3B. P202					
223	LTH332	3	Lý luận văn học 2_02 (Văn2 22)	Vũ Thị Hạnh	25/08/2025-26/10/2025	9					10,11	3B. P501							
				Vũ Thị Hạnh		9											7,8	3B. P501	
				Vũ Thị Hạnh	24/11/2025-14/12/2025	3											7,8	3B. P501	
				Vũ Thị Hạnh		3					10,11	3B. P501							
224	TOC231	3	Lý thuyết hóa hữu cơ_01 (CNH 20, Dược 20)	Vũ Tuấn Kiên	25/08/2025-16/11/2025	12									8,9,10,11	CP.5 (Hóa)			
225	ELC231	3	Mạch điện I_01 (LýBD 22)	Lê Tiến Hà	25/08/2025-26/10/2025	9			9,10,11	3A. P403									
				Lê Tiến Hà	24/11/2025-04/01/2026	6			9,10,11	3A. P403									
226	MRK231	3	Marketing_01 (Sử1 22)		25/08/2025-07/12/2025	15							7,8,9	3A. P502					
227	MRK231	3	Marketing_02 (Sử2 22)		25/08/2025-07/12/2025	15	7,8,9	3A. P501											
228	HFD331	3	Marketing du lịch_01 (QTDV 21)	Lê Thị Anh	25/08/2025-07/12/2025	15					4,5	3B. P301							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
229	MPL341	4	Marketing sản phẩm thông tin và dịch vụ thư viện_01 (TV 21)	Nguyễn Minh Nguyệt	25/08/2025-07/12/2025	15			1,2,3	3B. P504									
230	HIM321	2	Mô học_01 (CNSH 22)	Hứa Nguyệt Mai	25/08/2025-19/10/2025	8	9,10	3A. P303											
				Hứa Nguyệt Mai	24/11/2025-04/01/2026	6	7,8,9, 10,11	PTN											
231	SPN431	3	Môi trường và phát triển bền vững_01 (BC 21, Sứ 20)	Nguyễn Thị Nhâm Tuất	25/08/2025-19/10/2025	8					4,5	3B. P504							
				Nguyễn Anh Hùng	20/10/2025-07/12/2025	7					4,5	3B. P504							
232	SPN431	3	Môi trường và phát triển bền vững_02 (Luật1 22)	Nguyễn Thu Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9	10,11	3A. P401											
				Nguyễn Thu Huyền	24/11/2025-04/01/2026	6	10,11	3A. P401											
233	SPN431	3	Môi trường và phát triển bền vững_03 (Luật2 22)	Chu Thị Hồng Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9											1,2	3B. P202	
				Chu Thị Hồng Huyền	24/11/2025-04/01/2026	6											1,2	3B. P202	
234	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_01 (TQ1 22)	Vì Thị Bích Ngọc	25/08/2025-07/12/2025	15	7,8,9	3A. P101											
235	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_02 (TQ2 22)	Vì Thị Bích Ngọc	25/08/2025-07/12/2025	15			10,11,12	3A. P103									
236	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_03 (TQ3 22)	MG: Chu Ngọc Anh	25/08/2025-07/12/2025	15					7,8,9	3A. P104							
237	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_04 (TQ4 22)	MG: Nguyễn Thị Mai	25/08/2025-07/12/2025	15					10,11,12	3A. P201							
238	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_05 (TQ5 22)	MG: Nguyễn Thị Mai	25/08/2025-07/12/2025	15					7,8,9	3A. P202							
239	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_06 (TQ6 22)	MG: Nguyễn Thị Mai	25/08/2025-07/12/2025	15											1,2,3	3B. P302	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
240	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_07 (TQ7 22)	Hoàng Kiều Trinh	25/08/2025-07/12/2025	15			10,11,12	3B. P202									
241	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_08 (TQ8 22)	Hoàng Kiều Trinh	25/08/2025-07/12/2025	15							7,8,9	3A. P101					
242	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_09 (TQ9 22)	MG: Ngô Thị Trà	25/08/2025-07/12/2025	15											10,11,12	3B. P202	
243	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_10 (TQ1 22, TQ2 22, TQ3 22)	MG: Ngô Thị Trà	25/08/2025-07/12/2025	15											4,5,6	3B. P302	
244	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_11 (TQ7 22, TQ5 22, TQ6 22)	MG: Nguyễn Thị Mai	25/08/2025-07/12/2025	15											9,10,11	3A. P204	
245	LFC133	3	Nghe – ghi chú tiếng Trung 3_12 (TQ4 22, TQ8 22, TQ9 22)	Hoàng Kiều Trinh	25/08/2025-07/12/2025	15							10,11,12	3A. P101					
246	LSC332	3	Nghe – Nói Tiếng Trung 2_01 (AT 21)	Phan Thị Huế	25/08/2025-07/12/2025	15											3,4,5	3B. P301	
247	GFJ331	3	Nghiệp vụ công tác tổ chức Đảng_01 (Sử 20)	MG: Lê Văn Hiếu	25/08/2025-16/11/2025	12											7,8,9,10	3A. P104	
248	CSG341	4	Nghiệp vụ hướng dẫn_01 (DL 22 NĐ, QTDV 22 LH)	Hoàng Thị Phương Nga	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8	3A. P101									
				Hoàng Thị Phương Nga		9											2,3,4,5	3A. P204	
				Hoàng Thị Phương Nga	24/11/2025-30/11/2025	1											2,3,4,5	3A. P204	
				Hoàng Thị Phương Nga	24/11/2025-04/01/2026	6			7,8	3A. P101									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
249	CSG322	2	Nghịệp vụ hướng dẫn nâng cao_01 (DL 20 QT, DL 21 NĐ)	Hoàng Thị Phương Nga	25/08/2025-14/09/2025	3					1,2	3A. P101							
				Hoàng Thị Phương Nga		3							3,4,5	3A. P101					
				Hoàng Thị Phương Nga		3					7,8,9, 10,11	Thực hành 1							
				Hoàng Thị Phương Nga		3	7,8,9, 10,11	Thực hành 1											
250	BHS441	4	Nghịệp vụ khách sạn_01 (QTDV 22 KS)	Đào Thị Hồng Thúy	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8,9	3A. P502							
				Đào Thị Hồng Thúy	24/11/2025-30/11/2025	1					7,8,9	3A. P502							
251	PRR341	4	Nghịệp vụ nhà hàng_01 (DL 22 KS)	Lê Thị Anh	25/08/2025-26/10/2025	9											10,11	3A. P102	
				Lê Thị Anh	24/11/2025-04/01/2026	6											10,11	3A. P102	
252	ASP331	3	Nghịệp vụ thư kí hành chính_01 (DVPL 21)	Lê Thanh Huyền	25/08/2025-30/11/2025	14					3,4	3B. P201							
				Lê Thanh Huyền		14							4,5	3B. P201					
253	HDJ321	2	Nghịệp vụ thư viện trường phổ thông_01 (TV 21)	Trịnh Thị Hiền	25/08/2025-30/11/2025	14									3,4,5	3B. P504			
254	GDF231	3	Nghịệp vụ văn phòng_01 (TQ1 21)	Vũ Thị Vân	25/08/2025-07/12/2025	15			3,4,5	3B. P101									
255	GDF231	3	Nghịệp vụ văn phòng_02 (TQ2 21)	Bê Hồng Cúc	25/08/2025-07/12/2025	15							9,10,11	3B. P501					
256	GDF231	3	Nghịệp vụ văn phòng_03 (TQ3 21)	Vũ Thị Vân	25/08/2025-07/12/2025	15					7,8,9	3A. P501							
257	GDF231	3	Nghịệp vụ văn phòng_04 (TQ4 21)	Bê Hồng Cúc	25/08/2025-07/12/2025	15	1,2,3	3B. P202											
258	PML231	3	Ngôn ngữ báo chí – truyền thông_01 (BC 21)	Phạm Anh Nguyên	25/08/2025-07/12/2025	15			2,3,4,5	PNV BC-TT									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
259	NHF341	4	Ngôn ngữ học Anh_01 (AT 21)	Cao Duy Trinh	25/08/2025-07/12/2025	15	4,5	3B. P303											
				Cao Duy Trinh		15							10,11	3B. P304					
260	NHF341	4	Ngôn ngữ học Anh_02 (Anh 21, AH 21)	Cao Duy Trinh	25/08/2025-07/12/2025	15	2,3	3B. P402											
				Cao Duy Trinh		15							8,9	3B. P304					
261	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_01 (TQ1 22)	Phan Thị Huế	25/08/2025-07/12/2025	15			9,10,11	3A. P101									
262	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_02 (TQ2 22)	Phan Thị Huế	25/08/2025-07/12/2025	15									9,10,11	3A. P103			
263	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_03 (TQ3 22)	Vì Thị Bích Ngọc	25/08/2025-07/12/2025	15			7,8,9	3A. P104									
264	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_04 (TQ4 22)	Vì Thị Bích Ngọc	25/08/2025-07/12/2025	15	10,11,12	3A. P201											
265	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_05 (TQ5 22)	Vì Thị Bích Ngọc	25/08/2025-07/12/2025	15							7,8,9	3A. P202					
266	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_06 (TQ6 22)	MG: Nguyễn Thị Hải Yến	25/08/2025-07/12/2025	15					4,5,6	3B. P304							
267	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_07 (TQ7 22)	MG: Nguyễn Thị Hải Yến	25/08/2025-07/12/2025	15											3,4,5	3A. P104	
268	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_08 (TQ8 22)	MG: Ngô Thị Trà	25/08/2025-07/12/2025	15					7,8,9	3A. P103							
269	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_09 (TQ9 22)	Phan Thị Huế	25/08/2025-07/12/2025	15					10,11,12	3A. P204							
270	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_10 (TQ1 22, TQ2 22, TQ3 22)	MG: Phạm Thị Nhân	25/08/2025-07/12/2025	15					10,11,12	3A. P101							
271	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_11 (TQ7 22, TQ5 22, TQ6 22)	MG: Ngô Thị Trà	25/08/2025-07/12/2025	15					10,11,12	3A. P104							
272	FJJ231	3	Ngữ pháp tiếng Trung 1_12 (TQ4 22, TQ8 22, TQ9 22)	MG: Phạm Thị Nhân	25/08/2025-07/12/2025	15					7,8,9	3A. P204							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
273	FPT231	3	Nhập môn Lý thuyết điểm bất động_01 (Toán 20)	Trương Minh Tuyên	25/08/2025-16/11/2025	12			9,10,11	3A. P505									
				Trương Minh Tuyên		12							7,8	3A. P505					
274	IAI131	3	Nhập môn trí tuệ nhân tạo_01 (LýGV 23, LýBD 23, LýBD 22)	Phạm Ngọc Phương	08/09/2025-19/10/2025	6	7,8	3A. P403											
				Phạm Ngọc Phương		6							7,8	3A. P403					
				Phạm Ngọc Phương	24/11/2025-04/01/2026	6							7,8	3A. P403					
				Phạm Ngọc Phương		6	7,8	3A. P403											
275	HOV231	3	Những cuộc cải cách trong lịch sử Việt Nam_01 (Sử 20)	Nguyễn Đại Đồng	25/08/2025-07/12/2025	15									9,10,11	3A. P504			
276	BPT331	3	Những vấn đề cơ bản về công tác thiết bị dạy học ở cơ sở giáo dục phổ thông_01 (TV 22)	Hà Thị Thu Hiền	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8,9	3B. P104											
				Hà Thị Thu Hiền	24/11/2025-04/01/2026	6	7,8,9	3B. P104											
277	INM221	2	Những vấn đề lớn của thời đại_01 (Luật1 22)	Lê Văn Cảnh	25/08/2025-26/10/2025	9									9,10	3A. P401			
				Lê Văn Cảnh	24/11/2025-04/01/2026	6									9,10	3A. P401			
278	INM221	2	Những vấn đề lớn của thời đại_02 (Luật2 22)	Lê Văn Cảnh	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8	3A. P404			
				Lê Văn Cảnh	24/11/2025-04/01/2026	6									7,8	3A. P404			
279	URW231	3	Nước sạch đô thị và nông thôn_01 (QLTN 21)	Nguyễn Thu Huyền	25/08/2025-07/12/2025	15							2,3	CP.1 (MT)					
280	ENP231	3	Ô nhiễm môi trường_01 (QLTN 20, QLTN 22)	Nguyễn Thị Nhâm Tuất	25/08/2025-02/11/2025	10											1,2,3	3B. P503	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
281	LAP241	4	Phân loại tài liệu_01 (TV 20, TV 21)	Hà Thị Thu Hiếu	25/08/2025-16/11/2025	12					7,8	3A. P203							
				Hà Thị Thu Hiếu		12									1,2	3B. P504			
282	SEA331	3	Phân tích Môi trường_01 (QLTN 21)	Mai Thị Lan Anh	25/08/2025-28/09/2025	5					1,2,3	CP.1 (MT)							
				Mai Thị Lan Anh	15/09/2025-07/12/2025	12					7,8,9, 10,11	PTN							
283	BLA331	3	Pháp chế doanh nghiệp_01 (DVPL 20)	Tổng Thị Thu Trang	25/08/2025-09/11/2025	11							7,8	3B. P201					
				Tổng Thị Thu Trang		11	9,10,11	3B. P201											
284	LIW322	2	Pháp luật đại cương_01 (TQ1 21)	Tổng Thị Thu Trang	25/08/2025-07/12/2025	15	4,5	3B. P101											
285	LIW322	2	Pháp luật đại cương_02 (TQ2 21)	Nguyễn Thị Hoàng Lan	25/08/2025-07/12/2025	15			1,2	3B. P102									
286	LIW322	2	Pháp luật đại cương_03 (TQ3 21)	Nguyễn Thị Thùy Giang	25/08/2025-12/10/2025	7			1,2	3B. P103									
				Dương Thị Xuân Quý	13/10/2025-07/12/2025	8			1,2	3B. P103									
287	LIW322	2	Pháp luật đại cương_04 (TQ4 21)	Dương Thị Xuân Quý	25/08/2025-07/12/2025	15									1,2	3B. P202			
288	LIT231	3	Pháp luật du lịch_01 (QTDV 22)	Phùng Thị Kim Anh	25/08/2025-26/10/2025	9									9,10,11	3A. P204			
				Phùng Thị Kim Anh	24/11/2025-04/01/2026	6									9,10,11	3A. P204			
289	LIT231	3	Pháp luật du lịch_02 (DL 22, QTDV 22)	Phùng Thị Kim Anh	25/08/2025-26/10/2025	9											7,8,9	3A. P202	
				Phùng Thị Kim Anh	24/11/2025-04/01/2026	6											7,8,9	3A. P202	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
290	JDK231	3	Pháp luật về công chứng, chứng thực và xác lập vi bằng_01 (DVPL 22)	Trịnh Vương An	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8,9,10	3A. P203									
				Trịnh Vương An	24/11/2025-28/12/2025	5			7,8,9,10	3A. P203									
291	KOI241	4	Phiên dịch tiếng Hàn_01 (HQ1 21)	Phạm Thị Tuyết Nhung	25/08/2025-07/12/2025	15			10,11	3B. P301									
				Phạm Thị Tuyết Nhung		15							7,8,9	3B. P301					
292	KOI241	4	Phiên dịch tiếng Hàn_02 (HQ2 21)	Phạm Thị Tuyết Nhung	25/08/2025-07/12/2025	15									10,11	3B. P302			
				Phạm Thị Tuyết Nhung		15			7,8,9	3B. P302									
293	KOI241	4	Phiên dịch tiếng Hàn_03 (AH 21)	Phạm Thị Tuyết Nhung	25/08/2025-07/12/2025	15							10,11	3B. P104					
				Phạm Thị Tuyết Nhung		15									7,8,9	3B. P201			
294	CIN231	3	Phiên dịch tiếng Trung_01 (AT 20)	MG: Quách Thị Nga	25/08/2025-16/11/2025	12					9,10, 11,12	3B. P503							
295	ACT231	3	Phiên dịch tiếng Trung nâng cao_01 (TQ1 20)	Mai Thị Ngọc Anh	25/08/2025-16/11/2025	12	7,8	3B. P101											
				Mai Thị Ngọc Anh		12					7,8	3B. P303							
296	ACT231	3	Phiên dịch tiếng Trung nâng cao_02 (TQ2 20)	Mai Thị Ngọc Anh	25/08/2025-16/11/2025	12	9,10, 11,12	3B. P102											
297	ACT231	3	Phiên dịch tiếng Trung nâng cao_03 (TQ3 20)	MG: Quách Thị Nga	25/08/2025-16/11/2025	12											3,4,5,6	3B. P103	
298	ACT231	3	Phiên dịch tiếng Trung nâng cao_04 (TQ1 20, TQ2 20, TQ3 20)	MG: Quách Thị Nga	25/08/2025-16/11/2025	12											9,10, 11,12	3B. P101	
299	TRC232	3	Phong tục tập quán 2_01 (TQ1 21)	MG: Vũ Thị Huyền Trang	25/08/2025-07/12/2025	15					1,2,3	3B. P101							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
300	TRC232	3	Phong tục tập quán 2_02 (TQ2 21)	MG: Vũ Thị Huyền Trang	25/08/2025-07/12/2025	15					4,5,6	3B. P102							
301	TRC232	3	Phong tục tập quán 2_03 (TQ3 21)	MG: Phạm Minh Tâm	25/08/2025-07/12/2025	15	3,4,5	3B. P103											
302	TRC232	3	Phong tục tập quán 2_04 (TQ4 21)	MG: Phạm Minh Tâm	25/08/2025-07/12/2025	15			3,4,5	3B. P303									
303	TRC232	3	Phong tục tập quán 2_05 (TQ5 21)	MG: Hoàng Thị Vân An	25/08/2025-07/12/2025	15											3,4,5	3B. P202	
304	HTM341	4	Phương pháp dạy học lịch sử_01 (Sử1 22)	Đỗ Hằng Nga	25/08/2025-07/12/2025	15	7,8	3A. P301											
				Đỗ Hằng Nga		15											4,5	3A. P103	
305	HTM341	4	Phương pháp dạy học lịch sử_02 (Sử2 22)	Đỗ Hằng Nga	25/08/2025-07/12/2025	15			7,8	3A. P404									
				Đỗ Hằng Nga		15											2,3	3A. P103	
306	MSS231	3	Phương pháp điều tra xã hội học_01 (CTXH 22)	Tạ Thị Thảo	25/08/2025-26/10/2025	9			10,11	3A. P402									
				Tạ Thị Thảo	24/11/2025-04/01/2026	6			10,11	3A. P402									
307	MSR121	2	Phương pháp luận NCKH_ 01 (CTXH 20, CNH 20, Dược 20, TV 20)	Trần Thu Trang	25/08/2025-02/11/2025	10									3,4,5	3B. P402			
308	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_ 02 (TQ1 22)	Trần Thu Trang	25/08/2025-07/12/2025	15											9,10,11	3A. P301	
309	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_ 03 (TQ2 22)	Nguyễn Thị Luyến	25/08/2025-07/12/2025	15							9,10,11	3A. P103					
310	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_ 04 (TQ3 22)	Chu Thị Anh Xuân	25/08/2025-07/12/2025	15									9,10,11	3A. P104			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
311	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_ 05 (TQ4 22)	Chu Thị Anh Xuân	25/08/2025-07/12/2025	15			7,8,9	3A. P201									
312	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_ 06 (TQ5 22)	Nguyễn Thị Luyến	25/08/2025-07/12/2025	15	9,10,11	3A. P202											
313	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_ 07 (TQ6 22)	Ngô Thị Lan	25/08/2025-07/12/2025	15							1,2,3	3B. P304					
314	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_ 08 (TQ7 22)	Nguyễn Văn Khiển	25/08/2025-07/12/2025	15									3,4,5	3B. P304			
315	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_ 09 (TQ8 22)	Lê Văn Hoàng	25/08/2025-07/12/2025	15											1,2,3	3B. P204	
316	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_ 10 (TQ9 22)	Ngô Thị Lan	25/08/2025-07/12/2025	15							7,8,9	3A. P204					
317	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_ 11 (QLTN 22, TD 22)	Lê Văn Hoàng	25/08/2025-26/10/2025	9											9,10,11	3B. P103	
				Lê Văn Hoàng	24/11/2025-04/01/2026	6											9,10,11	3B. P103	
318	RME231	3	Phương pháp luận NCKH_ 12 (BC 22, LýGV 22, TV 21)	Nguyễn Thị Hiền	25/08/2025-26/10/2025	9	1,2,3	3B. P102											
				Nguyễn Thị Hiền	24/11/2025-04/01/2026	6	1,2,3	3B. P102											
319	DJH321	2	Phương pháp nghiên cứu khoa học Y Sinh_01 (CNSH 22)	Lê Thị Thanh Hương	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8	3A. P303									
				Lê Thị Thanh Hương	24/11/2025-04/01/2026	6			7,8	3A. P303									
320	ASM431	3	Phương pháp phân tích phổ nguyên tử_01 (CNH 21)	Phạm Thị Thu Hà	25/08/2025-07/12/2025	15	9,10,11	CP.5 (Hóa)											
				Phạm Thị Thu Hà		15							7,8	CP.5 (Hóa)					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
321	DIE121	2	Phương trình vi phân_01 (Toán 21)	Mai Viết Thuận	25/08/2025-07/12/2025	15					1,2	3B. P104							
322	VNS631	3	Quan hệ công chúng_01 (BC 22)	Vi Thị Phương	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8	3A. P102									
				Vi Thị Phương		9	4,5	3B. P104											
				Vi Thị Phương	24/11/2025-04/01/2026	6			7,8	3A. P102									
				Vi Thị Phương		6	4,5	3B. P104											
323	KIR231	3	Quan hệ quốc tế Hàn Quốc_01 (HQ1 20)	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/08/2025-16/11/2025	12									2,3	3B. P501			
				Nguyễn Thị Huyền Trang		12						1,2,3	3B. P501						
324	KIR231	3	Quan hệ quốc tế Hàn Quốc_02 (HQ2 20)	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/08/2025-02/11/2025	10									4,5	3B. P403			
				Nguyễn Thị Huyền Trang		10			3,4,5	3B. P403									
325	KIR231	3	Quan hệ quốc tế Hàn Quốc_03 (HQ1 20, HQ2 20)	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/08/2025-02/11/2025	10							4,5	3B. P503					
				Nguyễn Thị Huyền Trang		10	3,4,5	3B. P503											
326	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_01 (TQ1 22)	Phạm Chiến Thắng	25/08/2025-07/12/2025	15									7,8,9	3A. P101			
327	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_02 (TQ2 22)	Phạm Chiến Thắng	25/08/2025-07/12/2025	15			7,8,9	3A. P103									
328	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_03 (TQ3 22)	Phạm Chiến Thắng	25/08/2025-07/12/2025	15	7,8,9	3A. P104											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
329	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_04 (TQ4 22)	Phạm Chiến Thắng	25/08/2025-07/12/2025	15							7,8,9	3A. P201					
330	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_05 (TQ5 22)	Phạm Chiến Thắng	25/08/2025-07/12/2025	15							10,11,12	3A. P202					
331	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_06 (TQ6 22)	MG: Nguyễn Minh Sơn	25/08/2025-07/12/2025	15			1,2,3	3B. P304									
332	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_07 (TQ7 22)	MG: Nguyễn Minh Sơn	25/08/2025-07/12/2025	15					1,2,3	3B. P502							
333	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_08 (TQ8 22)	Phan Phạm Chi Mai	25/08/2025-07/12/2025	15	7,8,9	3A. P204											
334	CRF231	3	Quan hệ Trung Quốc và chính sách đối ngoại Trung Quốc_09 (TQ9 22)	Phan Phạm Chi Mai	25/08/2025-07/12/2025	15	10,11,12	3A. P103											
335	EMA231	3	Quản lý môi trường_01 (QLTN 21)	Nguyễn Thị Đông	25/08/2025-07/12/2025	15					4,5	CP.1 (MT)							
336	MYS331	3	Quản lý sân bãi, công trình thể thao_01 (TD 21)	Dương Minh Cường	25/08/2025-07/12/2025	15									1,2,3	P.203 (PH số 1)			
338	SMA432	3	Quản lý Thể dục thể thao nâng cao_01 (TD 20)	Lê Trung Kiên	27/10/2025-23/11/2025	4			7,8,9,10	P.203 (PH số 1)									
				Lê Trung Kiên		4									9,10,11	P.203 (PH số 1)			
				Lê Trung Kiên		4	1,2,3,4	P.203 (PH số 1)											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
339	MMS341	4	Quản lý thể thao quần chúng_01 (TD 21)	Lê Trung Kiên	27/10/2025-07/12/2025	6					1,2,3,4	P.203 (PH số 1)							
				Lê Trung Kiên		6	9,10,11	P.203 (PH số 1)											
				Lê Trung Kiên		6									7,8	P.203 (PH số 1)			
340	IMN332	3	Quản lý tổng hợp tài nguyên_01 (QLTN 21)	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25/08/2025-07/12/2025	15							4,5	CP.1 (MT)					
341	DFJ431	3	Quản trị ẩm thực_01 (QTDV 20 KS)	Trần Hoàng Tâm	25/08/2025-19/10/2025	8											1,2,3,4	3B. P403	
342	HQM331	3	Quản trị chất lượng nhà hàng - khách sạn _01 (QTDV 20 KS)	Phạm Thị Hồng Nhung	25/08/2025-02/11/2025	10	9,10,11	3B. P403											
343	TPM331	3	Quản trị chất lượng sản phẩm lữ hành_01 (QTDV 20 LH)	MG: Trịnh Thị Tuyết	25/08/2025-02/11/2025	10					1,2,3	3B. P504							
344	TDM331	3	Quản trị điểm đến du lịch_01 (QTDV 20 LH)	Dương Thùy Linh	25/08/2025-02/11/2025	10									9,10,11	3B. P403			
345	OAD331	3	Quản trị hành chính văn phòng_01 (KHQL 21)	Vũ Thị Vân	25/08/2025-07/12/2025	15					3,4,5	3B. P402							
346	SUM231	3	Quản trị khởi nghiệp_01 (Toán1 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8,9	3B. P402											
				Trần Thị Hồng	24/11/2025-04/01/2026	6	7,8,9	3B. P402											
347	SUM231	3	Quản trị khởi nghiệp_02 (Toán2 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8	3B. P401									
				Trần Thị Hồng		9									10,11	3A. P101			
				Trần Thị Hồng	24/11/2025-14/12/2025	3									10,11	3A. P101			
				Trần Thị Hồng		3			7,8	3B. P401									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
348	SUM231	3	Quản trị khởi nghiệp_03 (Văn1 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8,9	3B. P202					
				Trần Thị Hồng	24/11/2025-04/01/2026	6							7,8,9	3B. P202					
349	SUM231	3	Quản trị khởi nghiệp_04 (Văn2 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-26/10/2025	9											9,10,11	3B. P102	
				Trần Thị Hồng	24/11/2025-04/01/2026	6											9,10,11	3B. P102	
350	SUM231	3	Quản trị khởi nghiệp_05 (Sử1 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-07/12/2025	15			9,10,11	3A. P502									
351	SUM231	3	Quản trị khởi nghiệp_06 (Sử2 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-07/12/2025	15									7,8,9	3A. P501			
352	SUM231	3	Quản trị khởi nghiệp_07 (TT 22, HóaGV 22, LýGV 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-26/10/2025	9					9,10,11	3A. P402							
				Trần Thị Hồng	24/11/2025-04/01/2026	6					9,10,11	3A. P402							
353	FDJ231	3	Quản trị kinh doanh_01 (KHQL1 22)	Trịnh Thị Phương Dung	25/08/2025-26/10/2025	9											7,8	3B. P204	
				Trịnh Thị Phương Dung		9	7,8	3B. P303											
				Trịnh Thị Phương Dung	24/11/2025-14/12/2025	3	7,8	3B. P303											
				Trịnh Thị Phương Dung		3											7,8	3B. P204	
354	FDJ231	3	Quản trị kinh doanh_02 (KHQL2 22)	Trịnh Thị Phương Dung	25/08/2025-26/10/2025	9					10,11	3B. P502							
				Trịnh Thị Phương Dung		9											9,10	3B. P301	
				Trịnh Thị Phương Dung	24/11/2025-14/12/2025	3											9,10	3B. P301	
				Trịnh Thị Phương Dung		3					10,11	3B. P502							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
355	TBA321	2	Quản trị kinh doanh du lịch_01 (DL 20 QT, DL 21 KS)	Hoàng Thị Phương Nga	25/08/2025-14/09/2025	3							1,2	3A. P101					
				Hoàng Thị Phương Nga		3									1,2	3A. P101			
				Hoàng Thị Phương Nga		3			3,4,5	3A. P101									
				Hoàng Thị Phương Nga		3					3,4,5	3A. P101							
356	GFD331	3	Quản trị kinh doanh lễ hành_01 (QTDV 21 LH)	Ngô Thị Huyền Trang	01/09/2025-14/12/2025	15							1,2	3B. P303					
357	MAR331	3	Quản trị nhà hàng_01 (QTDV 21 KS)	Phùng Thị Kim Anh	25/08/2025-02/11/2025	10							3,4,5	3B. P504					
358	EVM331	3	Quản trị sự kiện lễ hành_01 (QTDV 21 LH)	Nguyễn Thái Sơn	01/09/2025-14/12/2025	15			4,5	3B. P301									
359	TEN231	3	Quản vọt_01 (TD 20)	Nguyễn Đức Toàn	25/08/2025-02/11/2025	10	9,10,11	Sân tập 4											
360	ADV331	3	Quảng cáo_01 (BC 20)	Phạm Thị Hải Yến	25/08/2025-16/11/2025	12			9,10,11	PNV BC-TT									
				Phạm Thị Hải Yến		12							7,8	PNV BC-TT					
361	GIK331	3	Sản xuất tác phẩm truyền hình_01 (BC 21)	Lê Đình Hải	25/08/2025-07/12/2025	15											2,3,4,5	PNV BC-TT	
362	END431	3	Tai biến thiên nhiên_01 (QLTN 22)	Trần Thị Ngọc Hà	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8	3A. P504					
				Trần Thị Ngọc Hà	24/11/2025-04/01/2026	6							7,8	3A. P504					
363	SIT332	3	Tài nguyên thiên nhiên_01 (QLTN 20, QLTN 22)	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25/08/2025-02/11/2025	10							9,10,11	3A. P504					
364	PSC231	3	Tham vấn tâm lý_01 (CTXH 22)	Nguyễn Thị Ngọc Mai	25/08/2025-26/10/2025	9					10,11	3A. P503							
				Nguyễn Thị Ngọc Mai	24/11/2025-04/01/2026	6					10,11	3A. P503							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
365	CTE331	3	Thiết bị dạy học dùng chung ở cơ sở giáo dục phổ thông_01 (TV 22)	Hoàng Hoài Nam	25/08/2025-26/10/2025	9											1,2,3,4,5	PM 3	
366	TPS331	3	Thiết bị dạy học môn Vật lý ở trường THCS và THPT_01 (TV 21)	Nguyễn Văn Khiển	25/08/2025-07/12/2025	15			4,5	3B. P504									
367	GRD231	3	Thiết kế đồ họa_01 (TT 20, TT 21)	Hoàng Thị Hà	25/08/2025-19/10/2025	8	7,8,9	PM 3											
				Hoàng Thị Hà		8			7,8	PM 3									
368	PDE131	3	Thiết kế lập trình_01 (LýBD 22)	Nguyễn Thị Hiền	25/08/2025-26/10/2025	9							9,10,11	3A. P403					
				Nguyễn Thị Hiền	24/11/2025-04/01/2026	6							9,10,11	3A. P403					
369	SOS231	3	Thống kê xã hội học_01 (CTXH 22)	Nguyễn Thị Thanh Huyền	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8,9	3A. P503											
				Nguyễn Thị Thanh Huyền	24/11/2025-04/01/2026	6	7,8,9	3A. P503											
370	GKF221	2	Thống kê y sinh_01 (CNSH 22)		25/08/2025-26/10/2025	9			9,10,11	3A. P303									
					24/11/2025-30/11/2025	1			9,10,11	3A. P303									
371	HFT322	2	Thủ tục hành chính_01 (DVPL 20)	Lê Thanh Huyền	25/08/2025-02/11/2025	10			7,8	3B. P201									
				Lê Thanh Huyền		10					7,8	3B. P201							
372	PPC431	3	Thực tập hóa lý_01 (CNH 21)	Trương Thị Thảo	25/08/2025-07/12/2025	15									1,2,3,4,5	PTN			
373	PAC431	3	Thực tập hóa phân tích_01 (CNH 20, Dược 20, HóaGV 22)	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/08/2025-19/10/2025	8			1,2,3,4,5	PTN									
				Nguyễn Thị Kim Ngân		8							1,2,3,4,5	PTN					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
374	PYC431	3	Thực tập hóa vô cơ_01 (CNH 20, Dược 20, CNH 22)	Nguyễn Thị Ngọc Linh	25/08/2025-19/10/2025	8	1,2,3,4,5	PTN											
				Nguyễn Thị Ngọc Linh		8							7,8,9,10,11	PTN					
375	HYD232	3	Thủy khí_01 (CNH 21)	Lưu Tuấn Dương	25/08/2025-07/12/2025	15							9,10,11	CP.5 (Hóa)					
376	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_01 (AT1 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9			10,11	3A. P302									
				Nguyễn Hải Quỳnh		9							9,10	3A. P302					
				Nguyễn Hải Quỳnh	24/11/2025-04/01/2026	6			10,11	3A. P302									
				Nguyễn Hải Quỳnh		6							9,10	3A. P302					
377	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_02 (AT2 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8	3A. P304					
				Nguyễn Hải Quỳnh		9			8,9	3A. P304									
				Nguyễn Hải Quỳnh	24/11/2025-04/01/2026	6			8,9	3A. P304									
				Nguyễn Hải Quỳnh		6							7,8	3A. P304					
378	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_03 (AT3 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8	3A. P102							
				Nguyễn Hải Quỳnh		9									7,8	3A. P304			
				Nguyễn Hải Quỳnh	24/11/2025-04/01/2026	6					7,8	3A. P102							
				Nguyễn Hải Quỳnh		6									7,8	3A. P304			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
379	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_04 (Anh 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9					9,10	3A. P301							
				Nguyễn Hải Quỳnh		9									9,10	3A. P301			
				Nguyễn Hải Quỳnh	24/11/2025-04/01/2026	6					9,10	3A. P301							
				Nguyễn Hải Quỳnh		6									9,10	3A. P301			
380	ENG242	4	Tiếng Anh 2A_05 (AH 22, Anh 22)	Nguyễn Hải Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8,9,10	3A. P502											
				Nguyễn Hải Quỳnh	24/11/2025-04/01/2026	6	7,8,9,10	3A. P502											
381	ENG133	3	Tiếng Anh 3_01 (Toán1 22)	Đào Đình Mạnh	25/08/2025-26/10/2025	9									3,4,5	3B. P103			
				Đào Đình Mạnh	24/11/2025-04/01/2026	6									3,4,5	3B. P103			
382	ENG133	3	Tiếng Anh 3_02 (Toán2 22)	Mai Thị Lan Anh	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8,9	3B. P401					
				Mai Thị Lan Anh	24/11/2025-04/01/2026	6							7,8,9	3B. P401					
383	ENG133	3	Tiếng Anh 3_03 (TT 22)	Bùi Thị Ngoan	25/08/2025-26/10/2025	9							1,2,3	3B. P103					
				Bùi Thị Ngoan	24/11/2025-04/01/2026	6							1,2,3	3B. P103					
384	ENG133	3	Tiếng Anh 3_04 (BC 22, DTTS 22, CNH 20, Dược 20)	Mai Thị Lan Anh	25/08/2025-26/10/2025	9											7,8,9	3A. P103	
				Mai Thị Lan Anh	24/11/2025-04/01/2026	6											7,8,9	3A. P103	
385	ENG133	3	Tiếng Anh 3_05 (DL 22)	Phùng Thị Hải Vân	25/08/2025-26/10/2025	9					9,10,11	3B. P101							
				Phùng Thị Hải Vân	24/11/2025-04/01/2026	6					9,10,11	3B. P101							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
386	ENG133	3	Tiếng Anh 3_06 (QTDV 22)	Bùi Thị Ngoan	25/08/2025-26/10/2025	9			1,2,3	3B. P302									
				Bùi Thị Ngoan	24/11/2025-04/01/2026	6			1,2,3	3B. P302									
387	ENG133	3	Tiếng Anh 3_07 (QTDV 22, TV 22)	Đào Đình Mạnh	25/08/2025-26/10/2025	9							7,8,9	3B. P503					
				Đào Đình Mạnh	24/11/2025-04/01/2026	6							7,8,9	3B. P503					
388	ENG133	3	Tiếng Anh 3_08 (Luật1 22)	Đào Đình Mạnh	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8,9	3A. P401											
				Đào Đình Mạnh	24/11/2025-04/01/2026	6	7,8,9	3A. P401											
389	ENG133	3	Tiếng Anh 3_09 (Luật2 22)	Nguyễn Giang An	25/08/2025-26/10/2025	9							9,10,11	3A. P404					
				Nguyễn Giang An	24/11/2025-04/01/2026	6							9,10,11	3A. P404					
390	ENG133	3	Tiếng Anh 3_10 (KHQL1 22)	Đào Đình Mạnh	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8,9	3B. P303									
				Đào Đình Mạnh	24/11/2025-04/01/2026	6			7,8,9	3B. P303									
391	ENG133	3	Tiếng Anh 3_11 (KHQL2 22)	Nguyễn Giang An	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8,9	3B. P502							
				Nguyễn Giang An	24/11/2025-04/01/2026	6					7,8,9	3B. P502							
392	ENG133	3	Tiếng Anh 3_12 (QLTN 22, TD 22)	Nguyễn Thị Tuyết	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8,9	3B. P304									
				Nguyễn Thị Tuyết	24/11/2025-04/01/2026	6			7,8,9	3B. P304									
393	ENG133	3	Tiếng Anh 3_13 (Toán1 22, Toán2 22, Lý BD 22, LýGV 22)	Nguyễn Thị Tuyết	25/08/2025-26/10/2025	9									3,4,5	3B. P101			
				Nguyễn Thị Tuyết	24/11/2025-04/01/2026	6									3,4,5	3B. P101			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
394	ENG133	3	Tiếng Anh 3_14 (Luật1 22, Luật2 22, CNH 22, HóaGV 22)	Mai Thị Lan Anh	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8,9	3A. P404											
				Mai Thị Lan Anh	24/11/2025-04/01/2026	6	7,8,9	3A. P404											
395	ENC351	5	Tiếng Anh 3A_01 (AT 21)	Phan Thị Hòa	25/08/2025-07/12/2025	15									4,5	3B. P303			
				Phan Thị Hòa		15					1,2,3	3B. P303							
396	ENC351	5	Tiếng Anh 3A_02 (Anh 21, AH 21)	Phan Thị Hòa	25/08/2025-07/12/2025	15			4,5	3B. P302									
				Phan Thị Hòa		15							1,2,3	3B. P302					
397	ENC351	5	Tiếng Anh 3A_03 (Toán 21, TT 21, Sứ 21)	Phan Thị Hòa	25/08/2025-07/12/2025	15							4,5	3B. P104					
				Phan Thị Hòa		15			1,2,3	3B. P104									
398	ENC351	5	Tiếng Anh 3A_04 (Văn 21)	Phan Thị Hòa	25/08/2025-07/12/2025	15					4,5	3B. P401							
				Phan Thị Hòa		15									1,2,3	3B. P401			
399	ENC352	5	Tiếng Anh 3B_01 (AT 21)	Nguyễn Hiền Nhân	25/08/2025-07/12/2025	15					4,5	3B. P303							
				Nguyễn Hiền Nhân		15									1,2,3	3B. P303			
400	ENC352	5	Tiếng Anh 3B_02 (Anh 21, AH 21)	Nguyễn Thị Tuyết	25/08/2025-07/12/2025	15							4,5	3B. P302					
				Nguyễn Thị Tuyết		15			1,2,3	3B. P301									
401	ENC352	5	Tiếng Anh 3B_03 (Toán 21, TT 21, Sứ 21)	Nguyễn Thị Tuyết	25/08/2025-07/12/2025	15			4,5	3B. P104									
				Nguyễn Thị Tuyết		15							1,2,3	3B. P104					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
402	ENC352	5	Tiếng Anh 3B_04 (Văn 21)	Nguyễn Hiền Nhân	25/08/2025-07/12/2025	15									4,5	3B. P401			
				Nguyễn Hiền Nhân		15					1,2,3	3B. P401							
403	EMI331	3	Tiếng Anh chuyên ngành_01 (TT 22)	Hoàng Thị Hà	25/08/2025-26/10/2025	9	3,4,5	3B. P304											
				Hoàng Thị Hà	24/11/2025-04/01/2026	6	3,4,5	3B. P304											
404	EPH331	3	Tiếng Anh chuyên ngành 1_01 (Lý 21)	Trần Thu Trang	25/08/2025-07/12/2025	15	7,8,9	CP.4 (Lý)											
405	EFC341	4	Tiếng Anh chuyên ngành Hóa học_01 (HóaGV 22, CNH 21)	Vương Trường Xuân	25/08/2025-12/10/2025	7	1,2,3,4	CP.5 (Hóa)											
				Nguyễn Đình Vinh	13/10/2025-26/10/2025	2	1,2,3,4	CP.5 (Hóa)											
				Nguyễn Đình Vinh	24/11/2025-04/01/2026	6	1,2,3,4	CP.5 (Hóa)											
406	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_01 (AT1 22)	Nguyễn Giang An	25/08/2025-26/10/2025	9					10,11	3A. P302							
				Nguyễn Giang An		9							7,8	3A. P302					
				Nguyễn Giang An	24/11/2025-04/01/2026	6					10,11	3A. P302							
				Nguyễn Giang An		6							7,8	3A. P302					
407	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_02 (AT2 22)	Nguyễn Thị Tuyết	25/08/2025-26/10/2025	9			10,11	3A. P304									
				Nguyễn Thị Tuyết		9							9,10	3A. P304					
				Nguyễn Thị Tuyết	24/11/2025-04/01/2026	6			10,11	3A. P304									
				Nguyễn Thị Tuyết		6							9,10	3A. P304					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
408	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_03 (AT3 22)	Nguyễn Thị Tuyết	25/08/2025-26/10/2025	9					10,11	3A. P502							
				Nguyễn Thị Tuyết		9									9,10	3A. P304			
				Nguyễn Thị Tuyết	24/11/2025-04/01/2026	6					10,11	3A. P502							
				Nguyễn Thị Tuyết		6									9,10	3A. P304			
409	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_04 (Anh 22)	Nguyễn Thị Tuyết	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8	3A. P301							
				Nguyễn Thị Tuyết		9									7,8	3A. P301			
				Nguyễn Thị Tuyết	24/11/2025-04/01/2026	6					7,8	3A. P301							
				Nguyễn Thị Tuyết		6									7,8	3A. P301			
410	IBD241	4	Tiếng Anh Du lịch_05 (AH 22, Anh 22)	Nguyễn Thị Tuyết	25/08/2025-26/10/2025	9			7,8	3A. P504									
				Nguyễn Thị Tuyết		9							7,8	3A. P301					
				Nguyễn Thị Tuyết	24/11/2025-04/01/2026	6			7,8	3A. P504									
				Nguyễn Thị Tuyết		6							7,8	3A. P301					
411	EEF331	3	Tiếng Anh Kinh tế - Tài chính_01 (Anh 20)	Phạm Phương Hoa	25/08/2025-16/11/2025	12					7,8,9,10	3B. P304							
412	EEF331	3	Tiếng Anh Kinh tế - Tài chính_02 (AT 20, AH 20)	Phạm Phương Hoa	25/08/2025-16/11/2025	12			7,8,9,10	3B. P503									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
413	ETG331	3	Tiếng Anh lữ hành_01 (DL 21 NĐ, QTDV 21 LH)	Đỗ Tuyết Ngân	18/08/2025-31/08/2025	2	1,2,3	3A. P204											
				Đỗ Tuyết Ngân		2			1,2,3,4	3A. P204									
				Đỗ Tuyết Ngân		2									1,2,3,4	3A. P204			
				Đỗ Tuyết Ngân		2											1,2,3,4	3A. P201	
				Đỗ Tuyết Ngân	18/08/2025-24/08/2025	1							1-10	Thực hành 1					
				Đỗ Tuyết Ngân		1									7,8,9, 10,11	Thực hành 1			
				Đỗ Tuyết Ngân		1											7,8,9, 10,11	Thực hành 1	
414	EID331	3	Tiếng Anh Ngoại giao Quốc tế_01 (Anh 20)	Bùi Thị Ngoan	25/08/2025-16/11/2025	12	7,8,9,10	3B. P304											
415	EHD331	3	Tiếng Anh Nhà hàng – Khách sạn_01 (Anh 20)	Nguyễn Giang An	25/08/2025-16/11/2025	12									8,9,10,11	3B. P304			
416	EHD331	3	Tiếng Anh Nhà hàng – Khách sạn_02 (DL 21 KS, QTDV 21 KS)	Nguyễn Hồng Vân	15/09/2025-23/11/2025	10	1,2,3	3B. P504											
				Nguyễn Hồng Vân		10									9,10,11	3B. P303			
417	LIK133	3	Tiếng Hàn 3_01 (HQ1 22)	Hồ Thị Ngọc Bích	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8,9	3A. P202			
				Hồ Thị Ngọc Bích	24/11/2025-04/01/2026	6									7,8,9	3A. P202			
418	LIK133	3	Tiếng Hàn 3_02 (HQ2 22)	Hồ Thị Ngọc Bích	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8,9	3A. P304											
				Hồ Thị Ngọc Bích	24/11/2025-04/01/2026	6	7,8,9	3A. P304											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
419	LIK133	3	Tiếng Hàn 3_03 (AH 22)	Hồ Thị Ngọc Bích	25/08/2025-26/10/2025	9					9,10,11	3A. P303							
				Hồ Thị Ngọc Bích	24/11/2025-04/01/2026	6					9,10,11	3A. P303							
420	SKT231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Du lịch)_01 (HQ1 20)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-16/11/2025	12					1,2,3,4	3B. P501							
421	SKT231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Du lịch)_02 (HQ2 20)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-16/11/2025	12			1,2	3B. P403									
				Nguyễn Thị Linh		12							4,5	3B. P403					
422	SKT231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Du lịch)_03 (HQ1 20, HQ2 20)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-16/11/2025	12	1,2	3B. P503											
				Nguyễn Thị Linh		12							2,3	3B. P503					
423	SKE231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Kinh tế thương mại)_01 (HQ1 21)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-07/12/2025	15	9,10,11	3B. P301											
424	SKE231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Kinh tế thương mại)_02 (HQ2 21)	Nguyễn Thị Linh	25/08/2025-07/12/2025	15									7,8,9	3B. P302			
425	SPC231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Văn hóa)_01 (HQ1 20)	Trần Thị Thanh Hương	25/08/2025-16/11/2025	12	4,5	3B. P501											
				Trần Thị Thanh Hương		12			4,5	3B. P501									
426	SPC231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Văn hóa)_02 (HQ2 20)	Trần Thị Thanh Hương	25/08/2025-16/11/2025	12	2,3	3B. P403											
				Trần Thị Thanh Hương		12									2,3	3B. P403			
427	SPC231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Văn hóa)_03 (HQ1 20, HQ2 20)	Trần Thị Thanh Hương	25/08/2025-16/11/2025	12			2,3	3B. P503									
				Trần Thị Thanh Hương		12									4,5	3B. P502			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
428	ACH231	3	Tiếng Hán cổ đại_01 (TQ1 20)	Lương Thị Thanh Dung	25/08/2025-16/11/2025	12			7,8	3B. P101									
				Lương Thị Thanh Dung		12							7,8	3B. P101					
429	ACH231	3	Tiếng Hán cổ đại_02 (TQ2 20)	Lương Thị Thanh Dung	25/08/2025-16/11/2025	12							9,10, 11,12	3B. P102					
430	ACH231	3	Tiếng Hán cổ đại_03 (TQ3 20)	Lương Thị Thanh Dung	25/08/2025-16/11/2025	12			9,10, 11,12	3B. P103									
431	ACH231	3	Tiếng Hán cổ đại_04 (TQ1 20, TQ2 20, TQ3 20)	Lương Thị Thanh Dung	25/08/2025-16/11/2025	12									9,10, 11,12	3B. P103			
432	KOC231	3	Tiếng Hán giao tiếp_01 (HQ1 22)	Phạm Thị Tuyết Nhung	25/08/2025-26/10/2025	9	9,10,11	3A. P302											
				Phạm Thị Tuyết Nhung	24/11/2025-04/01/2026	6	9,10,11	3A. P302											
433	KOC231	3	Tiếng Hán giao tiếp_02 (HQ2 22)	Phạm Thị Tuyết Nhung	25/08/2025-26/10/2025	9					9,10,11	3B. P202							
				Phạm Thị Tuyết Nhung	24/11/2025-04/01/2026	6					9,10,11	3B. P202							
434	ADK242	4	Tiếng Hán nâng cao 2_01 (HQ1 21)	Hồ Thị Ngọc Bích	25/08/2025-07/12/2025	15			8,9	3B. P301									
				Hồ Thị Ngọc Bích		15							10,11	3B. P301					
435	ADK242	4	Tiếng Hán nâng cao 2_02 (HQ2 21)	Hồ Thị Ngọc Bích	25/08/2025-07/12/2025	15			10,11	3B. P302									
				Hồ Thị Ngọc Bích		15							7,8	3B. P402					
436	CHE233	3	Tiếng Trung 3_01 (AT1 22)	Nguyễn Văn Tiến	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8,9	3A. P302			
				Nguyễn Văn Tiến	24/11/2025-04/01/2026	6									7,8,9	3A. P302			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
437	CHE233	3	Tiếng Trung 3_02 (AT2 22)	Nguyễn Văn Tiến	25/08/2025-26/10/2025	9											3,4,5	3B. P402	
				Nguyễn Văn Tiến	24/11/2025-04/01/2026	6											3,4,5	3B. P402	
438	CHE233	3	Tiếng Trung 3_03 (AT3 22)	Nguyễn Văn Tiến	25/08/2025-26/10/2025	9			9,10,11	3A. P202									
				Nguyễn Văn Tiến	24/11/2025-04/01/2026	6			9,10,11	3A. P202									
439	CHE233	3	Tiếng Trung 3_04 (Anh 22)	Nguyễn Văn Tiến	25/08/2025-26/10/2025	9			3,4,5	3B. P102									
				Nguyễn Văn Tiến	24/11/2025-04/01/2026	6			3,4,5	3B. P102									
440	CFE231	3	Tiếng Trung chuyên ngành Kinh tế_01 (TQ1 20)	MG: Vi Thị Hoa	25/08/2025-26/10/2025	9					1,2,3	3B. P202							
				MG: Vi Thị Hoa		9											7,8	3B. P101	
441	CFE231	3	Tiếng Trung chuyên ngành Kinh tế_02 (TQ2 20)	MG: Vi Thị Hoa	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8	3B. P102							
				MG: Vi Thị Hoa		9											3,4,5	3B. P102	
442	CFE231	3	Tiếng Trung chuyên ngành Kinh tế_03 (TQ3 20)	MG: Vi Thị Hoa	25/08/2025-16/11/2025	12					9,10,11	3B. P103							
				MG: Vi Thị Hoa		12											1,2	3B. P103	
443	COA331	3	Tiếng Trung hành chính văn phòng_01 (AT 20)	MG: Vi Thị Hoa	25/08/2025-16/11/2025	12											9,10, 11,12	3B. P501	
444	CFT433	3	Tiếng Trung hướng dẫn viên 3_01 (DL 20 QT)	Ngô Thị Minh Loan	25/08/2025-14/09/2025	3	1,2,3,4	3A. P101											
				Ngô Thị Minh Loan		3									3,4,5	3A. P101			
				Ngô Thị Minh Loan		3			1,2	3A. P101									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
445	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_01 (TQ1 22)	Lương Thị Thanh Dung	25/08/2025-07/12/2025	15	10,11,12	3A. P101											
446	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_02 (TQ2 22)	Lương Thị Thanh Dung	25/08/2025-07/12/2025	15	7,8,9	3A. P201											
447	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_03 (TQ3 22)	Triệu Văn Toàn	25/08/2025-07/12/2025	15	10,11,12	3A. P104											
448	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_04 (TQ4 22)	MG: Hoàng Thị Vân An	25/08/2025-07/12/2025	15											10,11,12	3A. P201	
449	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_05 (TQ5 22)	MG: Vũ Thanh Huyền	25/08/2025-07/12/2025	15					10,11,12	3A. P202							
450	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_06 (TQ6 22)	MG: Ngô Thị Trà	25/08/2025-07/12/2025	15					1,2,3	3B. P304							
451	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_07 (TQ7 22)	MG: Ngô Thị Trà	25/08/2025-07/12/2025	15					4,5,6	3B. P101							
452	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_08 (TQ8 22)	MG: Vũ Thanh Huyền	25/08/2025-07/12/2025	15											4,5,6	3B. P204	
453	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_09 (TQ9 22)	Triệu Văn Toàn	25/08/2025-07/12/2025	15	7,8,9	3A. P103											
454	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_10 (TQ1 22, TQ2 22, TQ3 22)	MG: Vũ Thanh Huyền	25/08/2025-07/12/2025	15											1,2,3	3B. P304	
455	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_11 (TQ7 22, TQ5 22, TQ6 22)	MG: Vũ Thanh Huyền	25/08/2025-07/12/2025	15					7,8,9	3A. P201							
456	CDJ233	3	Tiếng Trung tổng hợp 3_12 (TQ4 22, TQ8 22, TQ9 22)	MG: Hoàng Thị Vân An	25/08/2025-07/12/2025	15											7,8,9	3B. P303	
457	VIE342	4	Tiếng Việt 2_01 (Văn1 22)	La Thị Mỹ Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9	10,11	3B. P202											
				La Thị Mỹ Quỳnh		9									7,8	3B. P202			
				La Thị Mỹ Quỳnh	24/11/2025-04/01/2026	6	10,11	3B. P202											
				La Thị Mỹ Quỳnh		6									7,8	3B. P202			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
458	VIE342	4	Tiếng Việt 2_02 (Văn2 22)	La Thị Mỹ Quỳnh	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8	3B. P501											
				La Thị Mỹ Quỳnh		9									10,11	3B. P101			
				La Thị Mỹ Quỳnh	24/11/2025-04/01/2026	6	7,8	3B. P501											
				La Thị Mỹ Quỳnh		6									10,11	3B. P101			
459	AIC221	2	Tin học ứng dụng trong hóa học_01 (HóaGV 21)	Khiếu Thị Tâm	25/08/2025-26/10/2025	9			1,2,3	CP.5 (Hóa)									
				Vương Trường Xuân	27/10/2025-16/11/2025	3			1,2,3	CP.5 (Hóa)									
460	OGS231	3	Tổ chức học_01 (KHQL1 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8	3B. P101							
				Trần Thị Hồng		9							10,11	3B. P401					
				Trần Thị Hồng	24/11/2025-04/01/2026	6							10,11	3B. P401					
				Trần Thị Hồng	24/11/2025-14/12/2025	3					7,8	3B. P101							
461	OGS231	3	Tổ chức học_02 (KHQL2 22)	Trần Thị Hồng	25/08/2025-26/10/2025	9	10,11	3A. P204											
				Trần Thị Hồng		9											7,8	3B. P301	
				Trần Thị Hồng	24/11/2025-14/12/2025	3											7,8	3B. P301	
				Trần Thị Hồng		3	10,11	3A. P204											
462	QAT331	3	Tổ chức lao động_01 (KHQL 21)	Nguyễn Thanh Huyền	25/08/2025-07/12/2025	15							1,2,3	3B. P402					
463	OOE331	3	Tổ chức sự kiện_01 (DL 21 NĐ)	Nguyễn Thái Sơn	25/08/2025-07/12/2025	15							1,2	3B. P504					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
464	DIM231	3	Toán rời rạc_01 (TT 21)	Nguyễn Thanh Sơn	25/08/2025-07/12/2025	15	3,4,5	3B. P302											
465	LAC331	3	Tội phạm học_01 (Luật 20)	Dương Thị Xuân Quý	25/08/2025-23/11/2025	13					7,8	3B. P204							
				Dương Thị Xuân Quý		13							7,8	3B. P204					
466	VIT221	2	Tôn giáo, tín ngưỡng ứng dụng trong du lịch_01 (QTDV 20)	Mai Thị Hồng Vĩnh	25/08/2025-14/09/2025	3	7,8	3B. P403											
				Mai Thị Hồng Vĩnh		3					7,8	3B. P403							
				Mai Thị Hồng Vĩnh	15/09/2025-19/10/2025	5	7,8	3B. P403											
				Mai Thị Hồng Vĩnh		5					7,8	3B. P403							
467	GEG231	3	Trắc địa đại cương_01 (QLTN 20)	Nguyễn Thị Bích Hạnh	25/08/2025-02/11/2025	10			7,8,9	CP.1 (MT)									
468	SRB331	3	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp_01 (KHQL 20)	MG: Tổng Văn Tuyên	25/08/2025-19/10/2025	8			3,4,5	3B. P201									
				MG: Tổng Văn Tuyên		8							3,4,5	3B. P303					
469	FJF231	3	Trợ giúp xã hội_01 (CTXH 22)	Trần Thị Phương Thảo	25/08/2025-26/10/2025	9					7,8,9	3A. P503							
				Trần Thị Phương Thảo	24/11/2025-04/01/2026	6					7,8,9	3A. P503							
470	SOM231	3	Truyền thông mạng xã hội_01 (BC 21)	Phạm Thị Hải Yến	25/08/2025-07/12/2025	15	1,2	3B. P304											
				Phạm Thị Hải Yến		15					1,2	3B. P103							
471	TTP424	2	TT KTXN4: Sinh học phân tử_01 (CNSH 20)	Trương A Tài	25/08/2025-16/11/2025	12					7,8,9, 10,11	PTN							

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
472	HPW331	3	Tư pháp quốc tế _01 (DVPL 21)	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	25/08/2025-09/11/2025	11			1,2	3B. P201									
				Nguyễn Thị Quỳnh Trang		11	3,4,5	3B. P201											
473	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_01 (QTDV 20, DTTS 22)	Đinh Thị Hiền	25/08/2025-14/09/2025	3			7,8,9	3B. P403									
				Đinh Thị Hiền	15/09/2025-02/11/2025	7									1,2,3	Online			
474	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_02 (Luật 20)	Lê Thị Quỳnh Liu	25/08/2025-14/09/2025	3							1,2,3	3B. P204					
				Lê Thị Quỳnh Liu	15/09/2025-02/11/2025	7							1,2,3	Online					
475	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_03 (Văn 20, DVPL 20)	Lê Thị Quỳnh Liu	25/08/2025-14/09/2025	3			9,10,11	3B. P504									
				Lê Thị Quỳnh Liu	15/09/2025-02/11/2025	7									1,2,3	Online			
476	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_04 (HQ1 21, Sứ 21, TD 21, Lý 21)	Lê Thị Quỳnh Liu	25/08/2025-14/09/2025	3									9,10	3B. P301			
				Lê Thị Quỳnh Liu	15/09/2025-07/12/2025	12									10,11	Online			
477	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_05 (HQ2 21, CNH 21, HóaGV 21, TT 21)	Đinh Thị Hiền	25/08/2025-14/09/2025	3					4,5	3B. P302							
				Đinh Thị Hiền	15/09/2025-07/12/2025	12											1,2	Online	
478	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_06 (KHQL 21, CTXH 21, Toán 21)	Lê Thị Quỳnh Liu	25/08/2025-14/09/2025	3	4,5	3B. P402											
				Lê Thị Quỳnh Liu	15/09/2025-07/12/2025	12							10,11	Online					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
479	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_07 (QTDV 21, Văn 21)	Đinh Thị Hiền	25/08/2025-14/09/2025	3	4,5	3B. P401											
				Đinh Thị Hiền	15/09/2025-07/12/2025	12			8,9	Online									
480	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_08 (TQ1 22)	Lê Thị Quỳnh Liu	25/08/2025-14/09/2025	3					8,9	3A. P101							
				Lê Thị Quỳnh Liu	15/09/2025-07/12/2025	12							8,9	Online					
481	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_09 (TQ2 22)	Đinh Thị Hiền	25/08/2025-14/09/2025	3							7,8	3A. P103					
				Đinh Thị Hiền	15/09/2025-07/12/2025	12					4,5	Online							
482	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_10 (TQ3 22)	Đinh Thị Hiền	25/08/2025-14/09/2025	3									7,8	3A. P104			
				Đinh Thị Hiền	15/09/2025-07/12/2025	12	3,4	Online											
483	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_11 (TQ4 22)	Đinh Thị Hiền	25/08/2025-14/09/2025	3									4,5	3B. P102			
				Đinh Thị Hiền	15/09/2025-07/12/2025	12									4,5	Online			
484	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_12 (TQ5 22)	Lê Thị Quỳnh Liu	25/08/2025-14/09/2025	3	7,8	3A. P202											
				Lê Thị Quỳnh Liu	15/09/2025-07/12/2025	12					3,4	Online							
485	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_13 (TQ6 22)	Đinh Thị Hiền	25/08/2025-14/09/2025	3							4,5	3B. P304					
				Đinh Thị Hiền	15/09/2025-07/12/2025	12	7,8	Online											

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
486	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_14 (TQ7 22)	Lê Thị Quỳnh Liu	25/08/2025-14/09/2025	3									1,2	3B. P304			
				Lê Thị Quỳnh Liu	15/09/2025-07/12/2025	12	10,11	Online											
487	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_15 (TQ8 22)	Lê Thị Quỳnh Liu	25/08/2025-14/09/2025	3					10,11	3A. P103							
				Lê Thị Quỳnh Liu	15/09/2025-07/12/2025	12			8,9	Online									
488	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_16 (TQ9 22)	Lê Thị Quỳnh Liu	25/08/2025-14/09/2025	3							4,5	3B. P103					
				Lê Thị Quỳnh Liu	15/09/2025-07/12/2025	12									4,5	Online			
489	CHV231	3	Từ vựng tiếng Trung_01 (AT 21)	Mai Thị Ngọc Anh	25/08/2025-07/12/2025	15			9,10,11	3B. P502									
491	IIL231	3	Ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện_01 (TV 20)	Nguyễn Minh Nguyệt	25/08/2025-02/11/2025	10					9,10,11	3A. P203							
492	ATS331	3	Ứng dụng CNTT trong quản lý tổ chức thể dục thể thao_01 (TD 21)	Nguyễn Thái Sơn	25/08/2025-07/12/2025	15							3,4,5	P.203 (PH số 1)					
493	MTT331	3	Ứng dụng công nghệ hiện đại trong hoạt động giảng dạy_01 (DTTS 22)	Nguyễn Thị Trà My	25/08/2025-26/10/2025	9											1,2,3	3B. P504	
				Nguyễn Thị Trà My	24/11/2025-04/01/2026	6											1,2,3	3B. P504	
494	HFF331	3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch_01 (QTDV 21)	Vũ Thị Phương	25/08/2025-28/09/2025	5					1,2,3	3B. P301							
495	HFF331	3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch_01 (QTDV 21)_TH1	Vũ Thị Phương	01/09/2025-23/11/2025	12											1,2,3,4,5	PM 4	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
496	HFF331	3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch_01 (QTDV 21)_TH2	Vũ Thị Phương	01/09/2025-23/11/2025	12											7,8,9,10,11	PM 4	
497	HFF331	3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch_02 (DL 22)	Vũ Thị Phương	25/08/2025-28/09/2025	5							7,8,9	3A. P402					
498	HFF331	3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch_02 (DL 22)_TH1	Vũ Thị Phương	01/09/2025-26/10/2025	8	1,2,3,4,5	PM 4											
				Vũ Thị Phương	24/11/2025-21/12/2025	4	1,2,3,4,5	PM 4											
499	HFF331	3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch_02 (DL 22)_TH2	Vũ Thị Phương	01/09/2025-26/10/2025	8			1,2,3,4,5	PM 4									
				Vũ Thị Phương	24/11/2025-21/12/2025	4			1,2,3,4,5	PM 4									
500	HFF331	3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong du lịch_02 (DL 22)_TH3	Vũ Thị Phương	01/09/2025-26/10/2025	8									1,2,3,4,5	PM 4			
				Vũ Thị Phương	24/11/2025-04/01/2026	6									1,2,3,4,5	PM 4			
501	CAC331	3	Văn hóa ẩm thực_01 (QTDV 20, DL 21 KS)	Nguyễn Thị Suối Linh	25/08/2025-19/10/2025	8							7,8	3B. P403					
				Nguyễn Thị Suối Linh		8									7,8	3B. P403			
502	CCO231	3	Văn hóa doanh nghiệp Trung Quốc_01 (TQ1 20)	Phùng Phương Nga	25/08/2025-16/11/2025	12			9,10,11,12	3B. P101									
503	CCO231	3	Văn hóa doanh nghiệp Trung Quốc_02 (TQ2 20)	Phùng Phương Nga	25/08/2025-16/11/2025	12					9,10,11,12	3B. P102							
504	CCO231	3	Văn hóa doanh nghiệp Trung Quốc_03 (TQ3 20)	Phùng Phương Nga	25/08/2025-16/11/2025	12			7,8	3B. P103									
				Phùng Phương Nga		12					7,8	3B. P103							
505	MVL141	4	Văn học Việt Nam hiện đại 1_01 (Văn 21)	Nghiêm Thị Hồ Thu	25/08/2025-07/12/2025	15											2,3,4,5	3B. P401	

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
506	VFL331	3	Văn học Việt Nam trung đại 1_01 (Văn1 22)	Phạm Thị Phương Thái	25/08/2025-26/10/2025	9	7,8,9	3B. P202											
				Phạm Thị Phương Thái	24/11/2025-04/01/2026	6	7,8,9	3B. P202											
507	VFL331	3	Văn học Việt Nam trung đại 1_02 (Văn2 22)	Phạm Thị Phương Thái	25/08/2025-26/10/2025	9									7,8,9	3B. P101			
				Phạm Thị Phương Thái	24/11/2025-04/01/2026	6									7,8,9	3B. P101			
508	AST231	3	Vật lý thiên văn _01 (Lý 21)	Ngô Thị Lan	25/08/2025-07/12/2025	15					3,4,5	CP.4 (Lý)							
509	PHS231	3	Vật lý thống kê_01 (Lý 21)	Lê Tiến Hà	25/08/2025-07/12/2025	15									1,2,3	CP.4 (Lý)			
510	DJF332	3	Vi sinh 2_01 (CNSH 21)	Đinh Thị Lan	10/11/2025-07/12/2025	4									2,3,4,5	CP.6 (Sinh)			
				Đinh Thị Lan	24/11/2025-14/12/2025	3	2-11	PTN											
				Đinh Thị Lan		3			2-11	PTN									
511	KOS231	3	Xã hội Hàn Quốc_01 (HQ1 21)	Dương Thị Huyền	25/08/2025-23/11/2025	13	7,8	3B. P301											
				Dương Thị Huyền		13					9,10	3B. P301							
512	KOS231	3	Xã hội Hàn Quốc_02 (HQ2 21)	Dương Thị Huyền	25/08/2025-23/11/2025	13	9,10	3B. P302											
				Dương Thị Huyền		13					7,8	3B. P302							
513	GES132	3	Xã hội học đại cương_01 (Luật 20)	Trần Thị Phương Thảo	25/08/2025-16/11/2025	12	10,11	3A. P304											
				Trần Thị Phương Thảo		12			7,8	3B. P204									

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ghi chú
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	
514	CLD331	3	Xây dựng văn bản pháp luật_01 (Luật 20)	Lê Thanh Huyền	25/08/2025-23/11/2025	13					9,10	3B. P204							
				Lê Thanh Huyền		13									10,11	3B. P204			
515	PRO331	3	Xử lý ảnh_01 (TT 20)	Hoàng Hoài Nam	25/08/2025-19/10/2025	8							10,11	PM 3					
				Hoàng Hoài Nam		8					9,10,11	PM 3							
516	MOB331	3	Y sinh phân tử_01 (CNSH 21)	Hoàng Thị Thu Yến	25/08/2025-02/11/2025	10							1,2,3	CP.6 (Sinh)					
				Hoàng Thị Thu Yến	06/10/2025-16/11/2025	6	7,8,9, 10,11	PTN											

Ghi chú:

- Các phòng học lý thuyết được bố trí tại các giảng đường 3A và 3B: ví dụ: phòng học 3A.P102 là phòng học P.102 ở giảng đường 3A
- Các lớp Giáo dục thể chất học tại Khu sân tập cạnh Nhà thi đấu đa năng;
- Các lớp thực hành tại phòng máy (PM) học tại tầng 5 khu Nhà Hiệu bộ
- Các lớp thực hành tại phòng thí nghiệm (PTN) hoặc phòng học CP. học tại Khu Trung tâm TNTH Trường ĐHKH, nằm trong khuôn viên Trường ĐH CNTT & TT
- Các học phần mời giảng, thực tập thực tế, giờ thực hành (nếu có) sẽ thông báo sau khi thống nhất kế hoạch với các Khoa;

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các Khoa/ Viện/ Bộ môn;
- Các phòng chức năng;
- Website;
- Lưu: ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PGS.TS. Vũ Xuân Hòa